

**PHẦN THỨ HAI:**  
**NHỮNG PHẨM CHẤT, ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP**  
**CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM**

**A. TỔNG QUAN VỀ BỐI CẢNH HÌNH THÀNH NHỮNG PHẨM CHẤT, ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM**

Những phẩm chất, đạo đức truyền thống của phụ nữ Việt Nam được tạo nên do tổng thể các yếu tố tự nhiên, kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa của dân tộc Việt Nam trải qua hàng ngàn năm dựng nước, giữ nước, đấu tranh xã hội và xây dựng cuộc sống của con người Việt Nam.

**I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, SẢN XUẤT VÀ KINH TẾ**

Việt Nam nằm trong vùng Đông Nam Á, nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm vừa rất thuận lợi vừa hết sức khắc nghiệt: bão tố, hạn hán, lụt lội, dịch bệnh... Để tồn tại, con người Việt Nam phải thích ứng với hoàn cảnh tự nhiên, khai thác vùng đồng bằng Bắc bộ, Trung bộ và Nam bộ.

Từ hàng ngàn năm trước, người Việt Nam đã tiến hành chinh phục đồng bằng sông Hồng, sông Mã, sông Cả và sau đó là đồng bằng sông Cửu Long. Đồng bằng sông Hồng ngày xưa là một bãi sinh lầy, chỗ lồi, chỗ lõm, sử sách của người Trung Hoa đã ghi lại: đến con chim cũng không cất đầu lên nổi (*Sách Hậu Hán thư*). Cha ông ta không chờ phù sa bồi đắp nên đồng ruộng mà đã nhảy xuống đầm lầy kéo mặt đất lên để trồng cấy. Từ đầu công nguyên cho đến nay, cha ông đã đào sông, đắp đê, đắp đập, công sức đắp hàng nghìn cây số đê, đập không thua kém công sức xây dựng nhiều công trình vĩ đại của các dân tộc khác. Một điều đặc biệt là người Việt Nam chinh phục đồng bằng từ khi còn ở trình độ đồ đồng (các dân tộc khác chinh phục đồng bằng khi đã sử dụng đồ sắt) trong điều kiện thiên nhiên hết sức khó khăn “sớm chắn bão giông, chiều ngăn nắng lửa”. Do vậy, dân tộc ta, đời nối đời với bao thế hệ đã phải đổ mồ hôi, sức lực và cả máu xương làm nên cái nôi sinh tồn của mình.

Từ thế kỷ XVII-XVIII, người Việt cùng với người Khơ-me (sau là người Hoa) khai thác đồng bằng sông Cửu Long. Nơi đây xưa cũng là nơi lam chướng, rừng rậm, thú dữ “xuống sông sấu đớp, lên rừng cọp tha”. Họ đã cùng nhau đổ công sức, mồ hôi, nước mắt và cả xương máu để “mở cõi”, khai thiên, lập địa, đào kênh, khơi ngòi chằng chịt trên mảnh đất này. Số đất đào sông rạch tại đồng bằng sông Cửu Long gấp ba lần số đất của người Pháp đào kênh đào Suyê ở Ai Cập thời công nghiệp hiện đại.

Hoàn cảnh đó đòi hỏi người Việt Nam phải đoàn kết, tương thân tương ái, kiên trì tạo nên sức mạnh để đương đầu với mọi khó khăn, thử thách, xây dựng nên quê hương, đất nước, mở rộng địa bàn cư trú và bảo tồn đời sống cộng đồng.

Điều kiện tự nhiên sinh thái học quy định nền sản xuất của người Việt Nam - nền sản xuất nông nghiệp lúa nước là chủ yếu, bên cạnh đó là nghề săn bắt thủy - hải sản. Các nhà nghiên cứu lịch sử, nghiên cứu nông nghiệp Việt Nam và thế giới đã khẳng

định Việt Nam là quê hương của cây lúa nước, việc trồng lúa nước đã có ở Việt Nam hàng vạn năm trước.

Điều kiện sản xuất lúa nước trong nền kinh tế nông nghiệp đòi hỏi sự định cư để chăm sóc cây cối, cải tạo đồng ruộng, bảo vệ mùa màng. Công việc sản xuất nông nghiệp một năm hai vụ (có nơi sản xuất ba, bốn vụ) đòi hỏi phải luôn luôn khẩn trương cho kịp thời vụ, tránh mọi tác động nghịch của thiên nhiên. Do vậy, một mặt người Việt Nam phải cần cù, chăm chỉ, linh hoạt, kiên cường vượt khó, một mặt phải cố kết cộng đồng (gia đình - làng xóm - đất nước), hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất và trong đời sống. Từ đó hình thành nên các phẩm chất, đạo đức truyền thống tốt đẹp của con người Việt Nam, của phụ nữ Việt Nam.

Trong sản xuất nông nghiệp, mỗi gia đình như một đơn vị sản xuất có sự phân công và chuyên môn hóa. Vai trò của người phụ nữ không thua kém đàn ông, nhiều công việc đặt lên vai người phụ nữ. Bên cạnh những phẩm chất, đạo đức chung của con người Việt Nam, người phụ nữ Việt Nam còn tạo nên những phẩm chất, đạo đức mang tính đặc thù của mình.

## **II. ĐIỀU KIỆN CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI**

Nước ta nằm trên trục thông thương quốc tế (từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây, từ biển vào lục địa) với vị trí địa chính trị như vậy, nước ta luôn luôn bị kẻ thù ngoại bang nhòm ngó. Từ thời cổ trung đại đến hiện đại, dân tộc ta đã bị các nước đế quốc phương Bắc, phương Tây bao lần xâm lược và thống trị. Để sống còn, dân tộc ta đã nhiều lần phải vùng lên chống lại ách thống trị của kẻ thù xâm lược. Từ năm 179 trước công nguyên đến năm 938 sau công nguyên, trong 1117 năm thời Bắc thuộc, dân tộc ta đã 30 lần nổi dậy chống sự đô hộ của người phương Bắc (trong đó có 2 cuộc khởi nghĩa do phụ nữ lãnh đạo: khởi nghĩa của Hai Bà Trưng và của Bà Triệu). Thời kỳ dân tộc ta giành lại quyền độc lập, tự chủ (938 đến 1884), nhân dân ta đã 2 lần đánh quân Tống (981, 1074-1075), 3 lần chống quân Mông-Nguyên (1258, 1285 và 1288); chống quân Minh tái đô hộ (1407 - 1427); 1 lần chống quân Thanh (1789); 1 lần chống quân Xiêm, sau đó là chống đế quốc Pháp, Nhật, Mỹ xâm lược... Dân tộc Việt Nam, trong đó có biết bao phụ nữ Việt Nam đã anh dũng, bất khuất, hy sinh xương máu, hạnh phúc lứa đôi, hạnh phúc gia đình để bảo vệ nền độc lập dân tộc. Hoàn cảnh dựng nước, giữ nước của dân tộc ta đòi hỏi dân tộc ta phải anh dũng, bất khuất, kiên cường chống thiên tai, địch họa và phải cố kết cộng đồng, gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc, tạo nên sức mạnh để tồn tại, chiến đấu và chiến thắng. Trong quá trình đó, người phụ nữ vừa góp phần to lớn hình thành nên các phẩm chất, đạo đức của dân tộc, vừa ra sức bảo tồn, trao truyền và phát huy phẩm chất, đạo đức đó.

Xã hội Việt Nam mấy nghìn năm qua chủ yếu là xã hội phong kiến, có những giai đoạn bị thực dân thống trị. Xã hội phong kiến, thực dân là xã hội phân chia giai cấp, không những thế còn có sự phân chia tầng lớp, giới tính với những luật lệ, phong tục bất bình đẳng. Đặc biệt, các luật lệ bất công với phụ nữ: chế độ đa thê, trọng nam khinh nữ, tôn ti, trật tự khắt khe. Để tồn tại và để bảo vệ mình, người phụ nữ Việt Nam không chỉ kiên nhẫn, chịu đựng, hy sinh mà còn kiên trì, liên tục đấu tranh chống áp bức xã hội, chống bất bình đẳng trong đời sống gia đình. Từ đó đã tạo nên các phẩm chất, đạo

đức truyền thống của người phụ nữ Việt Nam vừa biết hy sinh vừa kiên cường, bất khuất trong cuộc sống. Phẩm chất cao quý của người phụ nữ Việt Nam là tinh thần hy sinh, đức tính chịu đựng, nhường nhịn để hướng tới sự hòa thuận trong gia đình và ổn định trong xã hội.

Quá trình tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam là quá trình giao lưu, tiếp xúc với các dân tộc xung quanh của Đông Nam Á, Trung Quốc, Ấn Độ, sau này là các nước phương Tây, các nước Đông Âu... Trong quá trình đó, văn hóa Việt Nam đã tiếp thu các yếu tố tích cực của các nền văn hóa khác. Những yếu tố tích cực đó đã góp phần hình thành nên các phẩm chất, đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam nói chung và của phụ nữ Việt Nam nói riêng. Chẳng hạn, người phụ nữ Việt Nam đã tiếp nhận tư tưởng Nho giáo Trung Hoa về đạo đức “công, dung, ngôn, hạnh” đồng thời khắc phục quan niệm tiêu cực, hà khắc đối với phụ nữ theo đạo lý “tam tòng” của nó. Người phụ nữ Việt Nam còn tiếp thu tư tưởng Phật giáo Ấn Độ về đạo “từ bi, hỷ xả”, “cứu khổ, cứu nạn”, “tu nhân, tích đức” để vận dụng vào cuộc sống. Khi Thiên Chúa giáo phương Tây vào nước ta, một bộ phận phụ nữ đã hướng theo tư tưởng “bác ái”, yêu thương con người của Chúa Giê-su. Văn hóa, văn minh phương Tây đến nước ta với những tư tưởng: tự do, bình đẳng, bác ái cũng được phụ nữ nước ta tiếp thu một cách tích cực. Từ khi chủ nghĩa Mác - Lênin truyền bá vào nước ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phụ nữ Việt Nam đã tiếp thu những tư tưởng nhân văn cách mạng về giải phóng con người, giải phóng phụ nữ, giải phóng xã hội. Phụ nữ đã tham gia vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Những đóng góp của phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giành lại nền độc lập dân tộc, thống nhất đất nước từ năm 1930 đến năm 1975 là hết sức lớn lao. Phụ nữ Việt Nam trong giai đoạn cách mạng vừa qua đã phát huy các phẩm chất, đạo đức truyền thống lên một tầm cao mới, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ca ngợi: *Phụ nữ Việt Nam anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang*.

Ngày nay, trong sự nghiệp cách mạng mới CNH, HĐH đất nước, phụ nữ Việt Nam ngày càng có vai trò to lớn hơn như Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị khóa X đã khẳng định. Để thực hiện vai trò ấy, phụ nữ Việt Nam cần phát huy và nâng cao những phẩm chất, đạo đức truyền thống, sáng tạo các giá trị tinh thần mới làm động lực cho sự phấn đấu vươn lên góp phần xây dựng đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.

## **B. NHỮNG PHẨM CHẤT, ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG CỦA PHỤ NỮ VN**

### **I. TRUYỀN THỐNG ĐẢM ĐANG TRONG GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI**

Do nền cảnh lịch sử Việt Nam suốt mấy nghìn năm qua thường xuyên phải vật lộn với biết bao thách đố của điều kiện tự nhiên, điều kiện xã hội khốc liệt để mở mang, xây dựng đất nước, giữ gìn nền độc lập dân tộc, thống nhất quốc gia và bảo vệ cuộc sống của con người nên luôn đặt người phụ nữ vào một thế ứng xử đầy khó khăn, thử thách.

Chính thiên chức, vị thế của người phụ nữ trong gia đình, xã hội buộc người phụ nữ phải đảm đang gánh vác công việc gia đình và công việc xã hội với đầy đủ ý thức trách nhiệm, từ đó đã tạo nên một truyền thống vẻ vang.

Trong truyền thống đậm đàng của phụ nữ Việt Nam nổi bật và trước hết là gánh vác công việc gia đình trong đời sống thường nhật. Song, không chỉ dừng ở đó, phụ nữ Việt Nam còn gánh vác công việc xã hội, công việc của cộng đồng. Có người cho rằng, trong xã hội truyền thống, địa vị xã hội của người phụ nữ không được đề cao nên họ chỉ lo công việc gia đình, họ tộc mà thôi. Điều đó hoàn toàn không đúng, bởi việc mở mang cõi bờ đất nước đâu chỉ có đàn ông, giữ gìn nền độc lập dân tộc, hòa hợp dân tộc quốc gia đâu chỉ riêng cánh mày râu.

Hơn nữa, nếu đặt trong mối quan hệ giữa gia đình và xã hội, thì đậm đàng công việc gia đình cũng là một trách nhiệm xã hội quan trọng mà người ta chưa thấy được.

Truyền thống đậm đàng trong gia đình và xã hội của người phụ nữ Việt Nam là cơ sở tạo nên những truyền thống cao đẹp khác: truyền thống cần cù, thông minh, sáng tạo trong lao động sản xuất, trong cuộc sống; truyền thống anh hùng, bất khuất trong chống giặc ngoại xâm; truyền thống sáng tạo và giữ gìn văn hóa dân tộc... Những truyền thống này sẽ được trình bày cụ thể ở các chuyên đề riêng (sau chuyên đề này). Do vậy, trong chuyên đề này, chúng tôi chỉ trình bày một số biểu hiện cơ bản của truyền thống đậm đàng của phụ nữ Việt Nam trong đời sống thường nhật của gia đình và xã hội.

## 1. TRUYỀN THỐNG ĐẬM ĐÀNG TRONG VIỆC THỰC HIỆN CÁC CHỨC NĂNG GIA ĐÌNH

### 1.1. Đậm đàng trong việc nuôi dạy con cái

Làm mẹ là thiên chức cao cả của người phụ nữ trong bất cứ thời đại nào. Song, trong xã hội cổ truyền Việt Nam, thiên chức ấy phải phấn đấu, phải hy sinh nhiều gấp bội, bởi điều kiện kinh tế, xã hội quy định.

Vai trò làm mẹ của người phụ nữ không chỉ ở việc thực hiện chức năng sinh sản “*mang nặng đẻ đau*” mà chủ yếu trong việc nuôi dạy con cái.

Ngay từ giây phút bắt đầu hình thành trong bụng mẹ, những bào thai đã gắn kết chặt chẽ với mẹ, đã sống bằng sự nuôi dưỡng của mẹ. Khi mới chào đời, đứa trẻ có quan hệ đầu tiên với xã hội chính là quan hệ với người Mẹ. Mẹ là mẫu hình đầu tiên (và suốt đời) đứa trẻ tiếp nhận và noi theo. Mẹ là người thầy đầu tiên dạy con làm người, trực tiếp trao truyền văn hóa cho con cùng với dòng sữa là những lời ru như những con thuyền “chở con đi xem bao bờ bên lạ” (Xuân Quỳnh). Nâng giấc chăm bẵm cho con lớn khôn, cùng với người cha và những thành viên khác rèn cặp con theo nền nếp gia đình. Từng bước chân của con trên đường đời đều có mẹ theo sát nâng đỡ, bảo ban, dạy dỗ đúng sai, phải trái, trao cho con cái đạo làm người: “*Ở sao có đức có nhân, mới mong đời trị được ăn lộc trời*”. Người mẹ còn gieo vào tâm hồn con một tình yêu rộng lớn của gia đình Việt Nam, trách nhiệm và nghĩa vụ trước gia đình, quê hương và Tổ quốc.

Bao cực nhọc lo toan vất vả cho gia đình, cho con cái, luôn luôn chất lên đôi vai gầy mảnh mai, nhưng bền bỉ, dẻo dai của người mẹ.

Sự hy sinh hết lòng của người mẹ cho con cái “*bên ướt mẹ nằm, bên ráo con lăn*”, “*cá chuối đấm đuối vì con*”, suốt đời tần tảo vì gia đình, dù vất vả gian truân đến đâu cũng không kêu ca, phàn nàn, cốt sao con cái trưởng thành là mãn nguyện:

*“Mẹ nuôi con bấy lâu rồi,  
Mong con khôn lớn thành người mới nghe.”*  
(Ca dao)

- Qua ứng xử hàng ngày, trong quá trình dạy dỗ, dưỡng dục con cái, người mẹ tự hoàn thiện chính mình, tu dưỡng tâm tính, tích nhân tích thiện, ăn ở có nghĩa có tình, hy vọng để lại Đức cho con. Như nhà văn hóa lớn của dân tộc Nguyễn Trãi tâm niệm: “Mạc nhi chủng phúc lưu tâm địa” (trồng vườn phúc ở trong lòng để lại cho con). “Con nhờ đức mẹ”, “phúc đức tại Mẫu” là quan niệm cổ truyền của nhân dân ta. Biết bao bà mẹ chú ý làm việc thiện, giữ gìn tư cách thanh cao, tuân thủ nền nếp gia đình nghiêm cẩn, vừa để làm gương cho con “*Cây xanh thì lá cũng xanh, cha mẹ hiền lành để đức cho con*” (Ca dao), vừa mong ở hiền gặp lành, vừa mong các bậc tổ tiên chứng giám cho mình mà che chở cho con cái gặp nhiều may mắn. Trong lịch sử văn hóa gia đình Việt Nam có dòng họ “800 năm khoa bảng hiếu trung” (dòng họ Nguyễn ở Kim Đôi, Quế Võ, Bắc Ninh) gia phả đã ghi lại công đức của 5 bà tổ Mẫu đã nuôi dạy con cháu nên người. Thế kỷ XV, Trạng nguyên Lương Thế Vinh soạn thành văn bia có đoạn: “Ôi ở nơi đây, tôi Lương Thế Vinh thấy được điều đáng mừng do tích thiện mà có chắc là còn được lâu đời noi theo”<sup>8</sup>.

Thiên chức làm mẹ mà tạo hoá đã ban cho người phụ nữ, tình mẹ mà đất trời đã trao vào trái tim vô lượng của người phụ nữ có lẽ chẳng bút mực nào ngợi ca được cho hết. Không chỉ mang nặng đẻ đau, nâng giắc chăm chút khi thơ bé mà suốt đời mỗi con người đều luôn có mẹ bên cạnh, có hình bóng mẹ che chở như lời ca của cố nhạc sĩ Phạm Trọng Cầu “cha mẹ là lá chắn che chở suốt đời con”.

## **1.2. Đảm đang lo toan cho chồng**

Đạo nghĩa vợ chồng là mối quan hệ cơ bản để bảo vệ hạnh phúc lứa đôi và sự tồn tại bền vững của gia đình.

Người phụ nữ trong gia đình là người bạn đời của chồng, người cùng chồng thực hiện tất cả các chức năng của gia đình. Người phụ nữ chung lưng đấu cật, san sẻ những nỗi khó khăn, gian truân và niềm hạnh phúc trong suốt cuộc đời người đàn ông.

Người con trai trong xã hội cổ truyền, sau khi lấy vợ, cha mẹ cho ra ở riêng, bắt đầu tạo lập một gia đình mới “kiến giả nhất phận”, sự hăng hục tâm lý xuất hiện, người nâng đỡ anh ta không ai khác là người vợ.

Phần lớn quan hệ vợ chồng trong các gia đình Việt Nam (chủ yếu là người Việt) trước đây, tình yêu không đến trước hôn nhân. Các cặp trai gái nên vợ nên chồng là do sự sắp đặt của cha mẹ “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”. Mọi người đều an phận và coi đó là đức hạnh. Dần dần trong cuộc sống chung, cùng san sẻ trách nhiệm, nhường nhịn lẫn nhau rồi “quen hơi bén nét” dẫn đến tình yêu. Trong đó, theo quan niệm và tập quán, người vợ phải là người có tình thương, có trách nhiệm hơn trong việc giữ gìn, cùng cố tình cảm, đạo nghĩa vợ chồng.

---

<sup>8</sup> Báo Đại đoàn kết, số 13, năm 1994

Thực tiễn đời sống gia đình của người Việt xưa là như vậy. Với thiên chức của người phụ nữ, khi làm vợ, phụ nữ cũng là người tinh tế, nhạy cảm, giữ gìn và vun đắp tình yêu vợ chồng. Nhiều khi người phụ nữ phải nín nhịn, thậm chí phải chịu đựng, không bao giờ so đo phải trái, thiệt hơn với chồng: “*Chồng giận thì vợ làm lành, miệng cười hớn hở rằng: anh giận gì?*”. Sự thông minh của người phụ nữ Việt Nam trong quan hệ vợ chồng là hướng tới sự hoà thuận: “*Thuận vợ thuận chồng biển Đông tát cạn*”, đó cũng là cứu cánh của hạnh phúc gia đình.

Trong cuộc sống tinh thần, người phụ nữ không chỉ đem lại sự cân bằng tâm, sinh lý cho chồng mà còn là chỗ dựa tình cảm, là nguồn động viên khích lệ tinh thần đối với chồng.

Trong cuộc sống vật chất của gia đình, người phụ nữ đóng góp biết bao sức lực từ công việc đồng áng, chợ búa đến công việc không tên trong gia đình, vất vả gian lao chỉ vì chồng:

*“Thương chồng nên phải gắng công,  
Nào ai xương sắt, da đồng chi đây”*

(Ca dao)

Sự thành đạt của người chồng trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa cử, đỗ đạt đều có sự đóng góp của người vợ:

*“Em là con gái Phụng Thiên,  
Bán rau mua bút, mua nghiên cho chồng.  
Một quan là sáu trăm đồng,  
Chắt chiu tháng tháng cho chồng đi thi”*

(Ca dao)

Không chỉ cần cù, chăm chỉ, tận tảo, người phụ nữ Việt Nam còn luôn biết chờ đợi người yêu, người chồng:

*“Anh về mau học chữ Nhu,*

*Chín trăng em đợi, mười thu em chờ”*

(Ca dao)

Làm đẹp, làm sang cho chồng cũng là thái độ ứng xử văn hóa của người phụ nữ đối với người chồng. Gia đình Việt Nam xưa luôn luôn “hiếu” khách, trọng khách. Để giữ gìn quan hệ xã hội của chồng, người phụ nữ không chỉ ân cần, niềm nở mà còn chu đáo trong việc tiếp đãi khách:

*“Làm cơm đãi khách ở nhà,*

*Là cơm dành để chồng ta ăn đường”*

(Ca dao)

Tục ngữ Việt Nam xưa có câu “giàu vì bạn, sang vì vợ”, lối hành xử ấy của người vợ không chỉ nét na mà còn rất thông minh, tinh tế, đối ngoại “đẹp” là để đối nội “tốt” trong quan hệ vợ chồng.

### **1.3. Đảm đang lo toan cho gia đình chồng**

Gia đình hạt nhân trong xã hội cổ truyền không tách rời gia đình mở rộng, gia đình lớn, nên đối với người phụ nữ, vai trò làm vợ còn đồng nghĩa với vai trò làm dâu trong gia đình. Con dâu có vị thế hết sức quan trọng, nên cha ông ta cho rằng: “*Chọn được con dâu sâu con mắt*”, “*Con gái là con người ta, con dâu mới thật (con) mẹ cha mua*

về”. Họ là cầu nối giữa các thế hệ trong gia đình: cha mẹ chồng với chồng và với các con cái của mình theo quan hệ chiều dọc. Đồng thời cũng là gạch nối giữa anh em, họ hàng của chồng với chồng và gia đình mình theo quan hệ chiều ngang, nên nhiều gia đình sợ gặp phải “dâu dữ mất họ”. Vì vậy, với vai trò trung tâm tình cảm gia đình, người phụ nữ đối với cha mẹ chồng phải hiếu thảo, tôn kính, đối với anh chị em chồng phải nhường nhịn, hòa đồng... Khi con gái đi lấy chồng, cha mẹ dặn dò: “*Cố gắng kính cẩn, sớm tối không được trái đạo làm dâu, làm vợ.*”<sup>9</sup>.

Người phụ nữ còn là người làm cân bằng tình cảm trong các mối quan hệ gia đình họ tộc, trở thành nhân tố có vai trò quyết định tạo nên tổ ấm gia đình “*đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm*”. Tham gia lao động cùng gia đình, biết tính toán, điều tiết chi tiêu để mỗi khi có công kia, việc nọ không bị lúng túng, không phải nợ nần là nhiệm vụ của người phụ nữ, họ được xem là “*nội tướng*” trong gia đình. Do vậy, khi người con trai cưới vợ, cha mẹ truyền dạy: “*Đi đón nội tướng của con để gánh vác việc tôn đường ta, cùng bảo nhau giữ chữ kính nói mãi việc nhà*”<sup>10</sup>. Các nhà nghiên cứu Từ Chi, Phạm Quỳnh, hai học giả Pháp là M.Durand và P.Huard.. đã đưa ra công thức nổi tiếng về gia đình người Việt: người chồng “*trị vì*”, người vợ “*cai quản*”. Vai trò “*cai quản*” - đảm đang của người phụ nữ còn được thể hiện trong hoạt động sản xuất, xây dựng kinh tế của gia đình.

Nói về vai trò của người phụ nữ Việt Nam, một nhà nghiên cứu phương Tây khác là A.Pazzi đã viết: “*Xét trong văn học bình dân, ta thấy người phụ nữ Việt Nam, mặc dầu khổ cực nhưng rất được yêu quý, nể vì, không như phụ nữ bình dân nhiều nước phương Tây chịu sự đối đãi thô lỗ, nhiều khi quá sức chênh lệch với người đàn ông... Phần nhiều đàn bà có một ngôi vị quan trọng, nhiều khi quyết định ở trong gia đình. Bởi lẽ người đàn bà ấy nắm hết cơ sở vật chất, quản trị trong nhà, giữ mối liên lạc với họ hàng bà con, thấy rõ trọng trách của gia đình mình với làng nước*”<sup>11</sup>.

## 2. TRUYỀN THỐNG ĐẢM ĐANG CÔNG VIỆC XÃ HỘI

Trong xã hội cổ truyền, địa vị xã hội của người phụ nữ Việt Nam không được coi trọng, song không vì vậy mà vai trò đảm đang của họ không to lớn như vai trò của nam giới. Nếu chúng ta suy nghĩ sâu về quá trình dựng nước, mở nước, bảo vệ độc lập dân tộc, giữ gìn sự thống nhất dân tộc của nhân dân ta, chúng ta sẽ thấy được sự đóng góp rất to lớn của người phụ nữ Việt Nam trong lịch sử.

### 2.1. Truyền thống đảm đang dựng nước, mở rộng cõi bờ

#### 2.1.1. Truyền thống dựng nước “*khai thiên, lập địa*”

Xưa nay, dưới con mắt của các nhà sử học mang nặng ý thức hệ phong kiến đề cao chế độ phụ quyền, người ta chỉ thấy vai trò của đàn ông trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước. Người ta chỉ ghi nhận vai trò của các anh hùng trong lịch sử dân tộc từ khi mở nước như Vua Hùng, Vua Thục và sau này là các triều đại mang tên các ông vua,

<sup>9</sup> Đoàn Văn Chúc: *Văn hóa học*, Nxb Văn hóa - Thông tin, H.1997, tr.166.

<sup>10</sup> Đoàn Văn Chúc: *Sđd*, tr.185.

<sup>11</sup> Trần Ngọc Thêm: *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1996, tr.49.

ông chúa. Người ta không thấy được trong mấy nghìn năm ấy có những đóng góp lớn lao của biết bao thế hệ phụ nữ Việt Nam.

Từ trong các huyền thoại, huyền tích xa xưa đã xuất hiện và in đậm bóng dáng của những người phụ nữ - những người mẹ đứng ra đảm nhận công việc khai thiên, lập địa cùng đàn ông dựng nên đất nước như Mẹ Âu Cơ, Mẹ Xứ sở hay các nàng công chúa Thiếu Hoa, Tiên Dung... Dù là các nhân vật huyền thoại, dù là người thuộc dân tộc nào - Kinh/Việt hay Chăm, Khơ-me, các nữ thần đều phản ánh công lao của phụ nữ Việt Nam ở mọi vùng đất nước đã cống hiến cho lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam.

Các mẹ, các bà không chỉ có công sinh ra giống nòi mà còn nuôi dạy dân biết khai phá đất đai, lao động sản xuất, xây dựng cuộc sống, giúp dân chữa bệnh, xua đuổi ma quỷ, giữ yên xóm làng. Công lao to lớn của Mẹ Âu Cơ đã được truyền tụng hàng ngàn đời nay ở vùng đất Tổ (Phú Thọ): Mẹ đưa 50 người con lên rừng “chặt cây làm nhà. Mẹ gọi nước Ghèn Hạc chảy về. Mẹ gọi gió Chăm Lâm thổi ngược. Mẹ uốn sông Cái dâng trước, xếp núi non trùng điệp ở đằng sau. Mẹ bảo con cháu khơi Ngòi Vắn ở bên trái, khơi Ngòi lớn ở bên phải. Mẹ bảo dân đào ao thả cá. Mẹ dạy dân đắp gò trồng cây...”<sup>12</sup>

Việc khai mở vùng đồng bằng sông Hồng của người Việt vào cuối thời Hùng Vương là công sức của biết bao thế hệ. Sự nghiệp to lớn ấy được phản ánh trong các huyền thoại Sơn Tinh - Thủy Tinh, Tiên Dung - Chử Đồng Tử và Mai An Tiêm... Trong đó nổi bật hình ảnh người anh hùng Chử Đồng Tử đã khắc phục khó khăn, vượt lên gian khổ làm chủ vùng trung tâm đồng bằng Bắc Bộ. Chử Đồng Tử là một vị thánh trong Tứ bất tử của người Việt. Nhưng đằng sau và bên cạnh vị thánh này người ta thấy vai trò của Tiên Dung - người vợ của ông, không chỉ yêu thương chồng, hy sinh cho chồng mà còn là cố vấn, chung lưng, đấu cật với chồng trong cuộc đấu tranh chinh phục đầm lầy, sông hồ, cửa biển.

Khi người Việt vào Nam cùng người Khơ-me, người Hoa mở cõi, cùng với những người đàn ông là những phụ nữ là vợ, là mẹ, là con đến đất phương Nam nghìn trùng gian khó. Câu ca dao Nam bộ: “*Ai chèo ghe bó qua sông*

*Đạo nghĩa vợ chồng nặng lắm ai ơi.”*

Cái “đạo nghĩa vợ chồng” có sức nặng như vậy là do họ đã gắn bó, đã cố kết với nhau để vượt qua những gian truân, khổ ải, mở mang đất nước, mưu cầu cuộc sống.

Vì sao người dân Tây Nam Bộ lấy tên vợ Thoại Ngọc Hầu đặt cho con kênh lớn chạy qua mấy tỉnh ở đây - kênh Vĩnh Tế (tên bà Châu Vĩnh Tế), một phần ghi công lao đóng góp sức lực, một phần ghi nhận tình yêu của Bà đối với công việc của Ông.

### ***2.1.2. Truyền thống đóng góp vào việc mở rộng cõi bờ, đoàn kết dân tộc***

Đồng thời với truyền thống dựng nước “khai thiên, lập địa” là truyền thống mở rộng cõi bờ đất nước, thống nhất dân tộc của nhân dân ta đã trải qua hàng nghìn năm. Đất nước Việt Nam hôm nay có được là do sự thống nhất của ba quốc gia Đại Việt,

---

<sup>12</sup> Almanách: *Người mẹ và phái đẹp*, Nxb Văn hóa, H.1990, tr.27.

Champa và Phù Nam (một bộ phận của nó là đất Nam Bộ). Bên cạnh công lao của cả dân tộc, của những người đàn ông với vai trò là những nhà chính trị, quân sự, binh lính... thì công lao của phụ nữ Việt Nam không hề thua kém.

Giai đoạn đầu thời kỳ độc lập tự chủ của quốc gia Đại Việt, trước nhu cầu sống còn của dân tộc, nhiệm vụ đặt ra là phải mở rộng cõi bờ, đoàn kết các tộc người để chống lại sự xâm lược, xâm lấn của các thế lực bên ngoài. Nhiệm vụ có ý nghĩa lịch sử ấy không chỉ được giao phó cho những người đàn ông mà cả những phụ nữ. Lịch sử đã ghi nhận sự hy sinh của những công chúa thời Lý, thời Trần đã chịu hy sinh rời bỏ nơi kinh kỳ đến vùng xa lạ làm vợ các tù trưởng, các quân vương láng giềng. Công chúa Trường Ninh nhà Lý kết hôn cùng Châu mục Thương Oai Hà Thiện Lãm (năm 1036), công chúa Thiệu Dung con vua Lý Anh Tông kết duyên cùng Châu mục Phú Lương là Dương Tự Minh (năm 1144); công chúa Huyền Trân nhà Trần lấy Chế Mân - vua Champa (năm 1306) để góp phần mở rộng bờ cõi tạo thêm thế và lực cho đất nước. Thời các chúa Nguyễn, cuộc hôn nhân của quận chúa Hoàng Ánh với vua Chân Lạp thế kỷ XVII đã tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt vào khai thác vùng đồng bằng Nam Bộ. Cuộc hôn nhân giữa Mạc Cửu - một lưu dân gốc Hoa với người vợ Việt đã giúp ông đi đến quyết định sáp nhập vùng Mang Khảm (Hà Tiên - Phú Quốc) lãnh địa do ông khai khẩn vào bản đồ Đàng Trong của nước ta. Điều này cần được ghi nhận như những đóng góp thầm lặng của phụ nữ cho dân tộc, cho đất nước mà lớp bụi thời gian đã làm mờ đi.

Những cuộc hôn nhân chính trị không chỉ làm tăng thêm thế và lực cho đất nước mà còn tăng cường sự cố kết dân tộc, góp phần thống nhất dân tộc trải qua các cuộc phân tranh, cát cứ của các thế lực phong kiến. Cuộc hôn nhân của công chúa nhà Lê với người anh hùng “áo vải cờ đào” Nguyễn Huệ (sau này là Hoàng đế Quang Trung) mang ý nghĩa như vậy.

## **2.2. Truyền thống đảm đang công việc quản lý đất nước, giữ gìn sự thống nhất dân tộc**

Tưởng chừng như một nghịch lý khi nói phụ nữ Việt Nam có sự tham gia vào việc quản lý đất nước, khi xã hội phong kiến không đề cao địa vị xã hội của phụ nữ. Có người cho rằng vai trò của phụ nữ trong việc quản lý đất nước, xây dựng chế độ chỉ được công nhận và được đặt ra khi Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cách mạng và khi Nhà nước Cộng hòa dân chủ Việt Nam ra đời từ năm 1945 đến nay. Song lịch sử đã ghi nhận nhiều tấm gương và năng lực của phụ nữ đã tham gia chính sự như Nguyên phi Ý Lan thời Lý. *Đại Việt sử ký toàn thư* đã ghi nhận: “Mùa xuân, tháng 2 (năm 1069) vua (Lý Thánh Tông) thân đi đánh Chiêm Thành, bắt được vua nước ấy là Chế Củ và 5 vạn người. Trận này vua đánh Chiêm Thành mãi không được, đem quân về đến đất châu Cự Liên, nghe tin Nguyên phi (Ý Lan) giúp việc nội trị, lòng dân cảm hóa hòa hợp, trong cõi vững vàng, tôn sùng Phật giáo, dân gọi là Quan Âm, vua nói: “Nguyên phi là đàn bà còn làm được như thế, ta là nam nhi lại chẳng làm được gì hay sao!”. Bèn quay lại đánh nữa, thắng được.”<sup>13</sup>

---

<sup>13</sup> Viện Khoa học xã hội Việt Nam: *Đại Việt sử ký toàn thư* (Dựa theo bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1647), Tập 1, Nxb KHXH, H.1998, tr.274-275.

Lịch sử cũng lưu truyền trường hợp bà Bích Châu - Chế Thắng phu nhân, cung phi của vua Trần Dụ Tông (1372-1377): “Đau lòng trước đời sống khổ cực của nhân dân và triều chính rối ren, bà đã dâng lên vua một bức sớ gồm mười điều để bình trị thiên hạ, gọi là *Kê minh thập sách*. Sớ viết:

“*Một là, năng giữ cội gốc của nước, trừ hà bạo thì lòng người yên vui.*

*Hai là, giữ nếp cũ, bỏ phiền nhiễu thì kỷ cương không rối.*

*Ba là, nén chặt kẻ quyền thần để ngăn ngừa chính sự mục nát.*

*Bốn là, thải bớt những kẻ nhiễu loạn để trừ tệ khoét đục của dân.*

*Năm là, xin cổ động Nho phong, khiến cho lửa bó đuốc với ánh mặt trời cùng soi sáng.*

*Sáu là, tìm những lời trực gián để đường ngôn luận được rộng mở như cửa thành.*

*Bảy là, cách kén quân nên chú trọng vào dũng lực hơn là cao lớn.*

*Tám là, chọn tướng nên cầu người thao lược mà không căn cứ vào thế gia.*

*Chín là, khí giới quý hồ bền chắc, không chuộng hình thức.*

*Mười là, trận pháp cốt cho chính tề, cần chi điếu múa.*

Mười điều kể trên rất là thiết thực, phơi bày tấm lòng trung, mong được bề trên soi xét. Hay tất làm, dở tất bỏ, quân vương nghĩ đến chăng? Nước được thịnh trị, dân được yên, thiếp mong lắm vậy.”<sup>14</sup>.

Vua xem xong, vỗ vào phách cây đàn mà khen rằng: “Không ngờ một nữ tử lại thông tuệ đến thế” nhưng lại không dám đem thi hành.

Chính bà đã cùng các quan đại thần khuyên can nhà vua không nên gây chiến tranh: “Vua không nên lấy giận riêng mà khởi binh, tướng không nên cầu công mà đánh bậy.” Lúc đó, nội trị chưa yên, dân binh khốn khó nên tờ biểu của Bích Châu viết rằng: “Trị đạo: trước gốc, sau ngọn, xin nghỉ binh cho dân chúng yên hàn; trị rắn dùng mềm, dùng người xa lấy đức... Đó thật là thượng sách, xin xét đoán cho minh”.

Từ góc nhìn của tinh thần yêu hòa bình, ghét chiến tranh, bảo vệ sự hòa hợp dân tộc giữa các tộc người trong quá trình lịch sử hình thành dân tộc quốc gia thì rất nhiều phụ nữ Việt Nam đã có những đóng góp đáng được ghi nhận. Họ đóng góp trên nhiều phương diện: bằng các cuộc hôn nhân chính trị có thể là tự nguyện, có thể là miễn cưỡng như My Châu, Trường Ninh, Thiều Dung, An Tư, Huyền Trân, Lê Ngọc Hân... Bằng văn chương, nghệ thuật tố cáo, lên án chiến tranh bảo vệ quyền sống, quyền được hạnh phúc của con người như nữ sĩ Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương, Ngọc Hân... Đoàn Thị Điểm - người dịch Chinh phụ ngâm - đã thể hiện khát vọng hòa bình, phê phán những kẻ gây chiến tranh đưa đến nỗi thống khổ của nhân dân, nỗi bất hạnh cho phụ nữ:

“*Thuở trời đất nổi cơn gió bụi*  
*Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên*  
*Xanh kìa thăm thẳm từng trên*  
*Vì ai gây dựng cho nên nỗi này.”*  
(Chinh phụ ngâm)

<sup>14</sup> Nguồn: <http://vi.wikipedia.org/urki/Nguy%E.....>

Sự đóng góp trên đây của phụ nữ Việt Nam được nhìn nhận từ tinh thần yêu nước, đấu tranh bảo vệ sự thống nhất dân tộc. Đó là một truyền thống cao đẹp nổi bật trong các truyền thống của phụ nữ Việt Nam.

### **2.2.2. Truyền thống yêu nước, quyết cường chống ngoại xâm của phụ nữ Việt Nam**

Nói đến truyền thống đảm đang của phụ nữ Việt Nam trong gia đình và xã hội không thể không nhắc đến tinh thần yêu nước, ý chí quyết cường của phụ nữ khi đất nước có giặc xâm lược với ý thức “giặc đến nhà đàn bà cũng đánh”. Truyền thống cao đẹp này được thể hiện ở hai mặt trận:

Nơi tiền tuyến: phụ nữ trực tiếp tham gia, lãnh đạo, chiến đấu anh dũng, hy sinh oanh liệt, lập chiến công vang dội;

Nơi hậu phương: phụ nữ gánh vác công việc thay chồng con ở mặt trận, động viên chồng con chiến đấu, tiếp tế cho người đi chiến đấu.

Tóm lại, trong quá trình lịch sử dân tộc, phụ nữ Việt Nam đã tham gia vào sự nghiệp dựng nước, giữ nước, bảo vệ sự thống nhất đất nước, sự hòa hiếu của các dân tộc và xây dựng cuộc sống gia đình, dòng tộc tồn tại, an sinh bền vững. Sự đóng góp to lớn đó được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác tạo nên truyền thống giỏi việc nước, đảm việc nhà rạng ngời lên phẩm chất, đạo đức cao đẹp mà dân tộc này, đất nước này mãi mãi biết ơn. Trong thời đại ngày nay, trong quá trình phấn đấu đưa nước ta từ một nước nghèo nàn, lạc hậu vươn lên thành một đất nước: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, phụ nữ Việt Nam cần phát huy truyền thống cao đẹp đó để đóng góp cho dân tộc và cho chính hạnh phúc của mình.

## **II. TRUYỀN THỐNG CẦN CÙ, THÔNG MINH, SÁNG TẠO TRONG LAO ĐỘNG VÀ CUỘC SỐNG**

Ở đây, truyền thống cần cù, thông minh, sáng tạo của phụ nữ Việt Nam chỉ được đề cập trong các lĩnh vực lao động, sản xuất và ứng xử với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội trong cuộc sống thường nhật.

Nói cách khác, các phẩm chất cần cù, thông minh, sáng tạo của phụ nữ Việt Nam không chỉ bộc lộ trong đời sống hàng ngày mà còn bộc lộ qua sự nghiệp to lớn của đất nước, của dân tộc. Các phẩm chất ấy của phụ nữ Việt Nam vừa gắn bó, vừa thể hiện trong các phẩm chất tốt đẹp khác: anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang làm nên truyền thống cao cả của phụ nữ Việt Nam, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Phụ nữ Việt Nam ta sẵn có truyền thống đấu tranh anh dũng và lao động cần cù”<sup>15</sup>.

Ba phẩm chất cần cù, thông minh, sáng tạo của con người Việt Nam nói chung và của phụ nữ Việt Nam nói riêng luôn luôn gắn bó và tác động lẫn nhau. Tuy vậy, để trình bày cặn kẽ từng phẩm chất, chúng tôi trừu tượng hoá, tách bạch các phẩm chất trên trong một số lĩnh vực của đời sống gia đình và xã hội.

### **1. BIỂU HIỆN PHẨM CHẤT CẦN CÙ, THÔNG MINH, SÁNG TẠO TRONG LAO ĐỘNG, SẢN XUẤT**

#### **1.1. Trong sản xuất nông nghiệp**

Việt Nam là quê hương của nền sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước, theo các nhà khảo cổ học, người Việt chuyển từ nền kinh tế hái lượm sang nền kinh tế trồng trọt cách

---

<sup>15</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, H.1996, Tập 10, tr.85.

ngày nay hàng vạn năm. Gia đình người nông dân (gia đình tiểu nông) trở thành một đơn vị sản xuất. Công việc nhà nông bao gồm nhiều khâu, nhiều việc nên cần một sự hợp tác, phân công chặt chẽ giữa đàn ông, đàn bà như ca dao đã phản ánh: *“Trên đồng cạn, dưới đồng sâu, chông cày, vợ cấy, con trâu đi bừa”* (Ca dao).

Nền sản xuất nông nghiệp rất nặng nhọc, vất vả, quanh năm “một nắng hai sương”, “cày sâu cuốc bẫm”, không những thế còn phải khấn trương cho phù hợp với thời tiết thất thường, mưa nhiều thì ngập úng, nắng nhiều thì hạn hán đều dẫn đến mất mùa. Ngoài việc trồng lúa, người phụ nữ phải chăn nuôi: nuôi lợn, nuôi tằm... công việc vô cùng bận rộn “nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng”. Do vậy, người nông dân nói chung, người phụ nữ nói riêng phải cần cù, chịu khó “bán mặt cho đất, bán lưng cho trời”, nhiều khi họ quên cả thời gian, quên cả nhan sắc của mình: *“Một ngày hai bữa cơm đèn, còn đâu má phấn răng đen hồi chàng”* (Ca dao).

Hoàn cảnh sản xuất nông nghiệp lúa nước ở nước ta hàng vạn năm qua đến nay vẫn là như vậy. Công việc của người phụ nữ vẫn như vậy, từ thế hệ này qua thế hệ khác đã tạo nên truyền thống cần cù, chịu thương, chịu khó. Có nhà nghiên cứu cho rằng sự đóng góp của phụ nữ Việt Nam trong lao động, sản xuất không thua kém gì nam giới, nhưng sự cần cù, vất vả của họ so với nam giới trong lao động, sản xuất chắc chắn nhiều hơn.

Phẩm chất thông minh, sáng tạo của phụ nữ Việt Nam trong lao động, sản xuất nông nghiệp thể hiện ở chỗ họ dựa vào và lợi dụng hoàn cảnh tự nhiên để tạo ra những giống cây, con, mùa, vụ phong phú, đa dạng, đồng thời giảm bớt nỗi vất vả, hao tổn sức lao động của mình.

Nền sản xuất nông nghiệp Việt Nam là nền nông nghiệp đa canh, thâm canh, xen canh gối vụ phù hợp với thời tiết nóng ẩm của vùng nhiệt đới gió mùa. Trải qua hàng ngàn năm, người nông dân Việt Nam đã chọn lựa, lai tạo hàng ngàn giống cây trồng (cây lấy hạt, cây ăn quả, cây lấy sợi, cây làm thuốc...) và tích lũy một kho tàng tri thức bản địa (tri thức truyền thống) công nghệ truyền thống về trồng cấy, chăn nuôi, chế biến lương thực, thực phẩm. Đồng thời, những tri thức, kinh nghiệm khai hoang, cải tạo đất, làm thủy lợi, chống lại sâu bệnh... đây chính là kết quả của tinh thần cần cù, thông minh, sáng tạo của nhân dân đã tích lũy, trong đó có sự đóng góp to lớn của phụ nữ.

## **1.2. Trong sản xuất thủ công nghiệp**

Bên cạnh việc đồng áng, người nông dân Việt Nam còn tranh thủ lúc nông nhàn sản xuất thủ công nghiệp để phục vụ cuộc sống “tự cung, tự cấp”. Sản xuất thủ công nghiệp phục vụ đời sống hàng ngày và dần dần ra đời những hộ, những làng chuyên sản xuất thủ công: dệt vải, đan lát, chế biến thực phẩm, thủ công mỹ nghệ v.v.. Trong lĩnh vực này, người phụ nữ có vai trò rất to lớn, không chỉ ngang bằng mà nhiều khi vượt trội so với người đàn ông về sự cần cù, chịu khó và khéo léo (đặc biệt ở lĩnh vực như dệt vải, làm giấy, sành sứ...).

Một nhà sử học phương Tây đến nước ta giữa thế kỷ XVIII đã nhận xét rất đúng: “Những người phụ nữ thường khéo tay hơn nam giới trong việc tăng thêm tài sản của gia đình. Người phụ nữ do người mẹ dạy dỗ nên đã làm quen công việc từ lúc bé. Họ

rất khéo trong việc dệt bông và lụa. Họ nhuộm những thứ này thành các màu khác nhau. Họ cũng rất khéo trong việc làm bánh trái và mứt kẹo. Nói tóm lại, người phụ nữ không dễ mất một nguồn lợi nào, bắt kể nguồn lợi đó từ đâu đến... Người phụ nữ lười biếng và ngu dốt thường bị chê cười...”<sup>16</sup>. Ngày nay, trong các làng nghề thủ công của dân tộc Việt Nam, chúng ta vẫn thấy những người phụ nữ Việt, Thái, Chăm, Khome... cần cù, tỹ mĩ, miệt mài bên những khung cửi dệt lụa, dệt thổ cẩm, đan nón, làm đồ gốm bằng tay, làm thuốc nam, chế biến bánh kẹo... ở nước ta hiện nay còn tồn tại hơn hai nghìn làng nghề với hàng vạn thợ thủ công, trong đó phụ nữ chiếm phần lớn. Phát triển, nhân rộng các làng nghề thủ công ở nông thôn là một hướng đi trên con đường CNH, HĐH nông thôn, nông nghiệp nhằm phát huy truyền thống cần cù, sáng tạo của nhân dân ta nói chung và của người phụ nữ nói riêng.

### **1.3. Trong thương nghiệp nhỏ và kinh doanh**

Song song với việc sản xuất nông nghiệp, sản xuất thủ công nghiệp là nền thương nghiệp nhỏ để trao đổi những sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm thủ công nghiệp phục vụ cuộc sống xã hội. Trong hoạt động thương nghiệp nhỏ tại các chợ quê, người phụ nữ giữ vai trò chính yếu. Họ tần tảo sớm hôm không chỉ sản xuất ra các sản phẩm hàng hoá mà còn thực hiện việc trao đổi mua bán. “*Con gái ở trại Hàng Hoa, ăn cơm nửa bữa, ngủ nhà nửa đêm.*” (Ca dao)

Người thì “mua đầu chợ, bán cuối chợ”, người thì phải “buôn bè, bán thuyền”, người thì quang gánh trên vai bán rong khắp chốn cùng quê. Nhà nghiên cứu Từ Chi cho rằng “Cuối cùng là tiểu thương nghiệp. Một điều đập ngay vào mắt ta: trong đại đa số các trường hợp, nền trao đổi này nằm trong tay phụ nữ. Trên các chợ nông thôn, vào các ngày phiên, điều mắt thấy rõ nhất là phụ nữ chiếm đa số... đàn ông chỉ là thiểu số. Tiểu thương nghiệp chủ yếu nằm trong tay của phụ nữ”<sup>17</sup>.

Sau này khi người Pháp đưa nền kinh tế thị trường vào nước ta thì người Việt Nam đã tiếp nhận nền kinh tế ấy, sự cần cù, thông minh, sáng tạo đã làm nên tên tuổi những nữ danh nhân như Nguyễn Thị Xuyên, Hoàng Thị Ninh Hồ (vợ nhà tư sản yêu nước Trịnh Văn Bô), bà Trịnh Thị Điền (vợ nhà tư sản Đỗ Đình Thiện)... đã biết kinh doanh buôn bán lớn và đóng góp cho sự nghiệp cứu nước của dân tộc.

## **2. BIỂU HIỆN PHẨM CHẤT CẦN CÙ, THÔNG MINH, SÁNG TẠO TRONG CUỘC SỐNG - ỨNG XỬ VỚI TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI**

### **2.1. Ứng xử với hoàn cảnh tự nhiên**

Phẩm chất cần cù, thông minh, sáng tạo của phụ nữ Việt Nam được hình thành một mặt do hoàn cảnh tự nhiên. Khi trở thành truyền thống, chúng luôn luôn tác động lại tự nhiên, thể hiện qua thái độ ứng xử của con người trước hoàn cảnh tự nhiên: chịu đựng khó khăn vượt lên sự khắc nghiệt của tự nhiên hay thích ứng tích cực với tự nhiên, cải tạo tự nhiên, hoà hợp với tự nhiên.

---

<sup>16</sup> Dẫn theo Trần Quốc Vượng: Truyền thống phụ nữ Việt Nam, Nxb Phụ nữ, H.1972, tr.17

<sup>17</sup> Nhiều tác giả: Những nghiên cứu xã hội học về gia đình, Nxb KHXH, H.1991

Do điều kiện của nền sản xuất, người phụ nữ Việt Nam trong xã hội truyền thống luôn luôn cần cù vật lộn với biết bao thử thách của hoàn cảnh tự nhiên: nắng, mưa, bão, gió, hạn hán hay lụt lội:

*“Người ta đi cấy lấy công,  
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.  
Trông trời, trông đất, trông mây,  
Trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm.  
Trông cho chân cứng, đá mềm,  
Trời yên biển lặng mới yên tâm lòng”.*  
(Ca dao)

Phẩm chất cần cù của người phụ nữ đã làm nên ý chí bền bỉ “chân cứng, đá mềm”, khắc phục khó khăn vượt lên hoàn cảnh “trời yên biển lặng mới yên tâm lòng”. Chấp nhận thử thách của tự nhiên, ứng phó với tự nhiên là công việc thường hằng của con người Việt Nam nói chung và phụ nữ Việt Nam nói riêng. Do vậy, trước khó khăn do tự nhiên gây ra, người phụ nữ Việt Nam luôn luôn chủ động: “*Nước lụt thì lút cả làng, đắp đê chống lụt thiếp chèo cùng lo*” (Ca dao).

Nếu tự nhiên đem lại những thuận lợi thì người phụ nữ biết ơn tự nhiên, tận dụng điều kiện đó để sản xuất đem lại thành quả cho quá trình lao động cần cù của mình:

*“Ơn trời mưa nắng phải thì,  
Nơi thì bừa cạn, nơi thì cày sâu.  
Công lênh chẳng quản bao lâu,  
Ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng”*  
(Ca dao)

Người phụ nữ Việt Nam còn sống hoà nhập với tự nhiên, thả tâm hồn vào hoàn cảnh tự nhiên làm tăng thêm chất thi vị của cuộc sống lao động, sản xuất. Chị em rủ nhau đi cấy lúa, hái dâu, dặt lụa dưới ánh trăng hoặc tát nước đêm trăng: “*Hỡi cô tát nước bên đàng, sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi*” (Ca dao).

Tình yêu lứa đôi cũng nảy nở trong sinh hoạt cộng đồng, trong lao động, sản xuất gắn bó với hoàn cảnh tự nhiên của con người Việt Nam và phụ nữ Việt Nam truyền thống:

*“Đêm qua tát nước đầu đình  
Bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen  
Em được thì cho anh xin  
Hay là em để làm tin trong nhà”.*

Có thể nói sự ứng xử trước tự nhiên vừa cần cù, thông minh, sáng tạo vừa tinh tế là một phẩm chất truyền thống tốt đẹp mang ý nghĩa đạo đức, thẩm mỹ của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội cổ truyền.

## **2.2. Ứng xử đối với xã hội**

Phẩm chất cần cù, thông minh, sáng tạo trong ứng xử đối với xã hội của phụ nữ Việt Nam thể hiện ở nhiều mối quan hệ khác nhau: đối với cộng đồng (làng xã, dân tộc, nhân dân), đối với bộ máy thống trị và luật lệ xã hội, phong tục, tập quán lạc hậu.

### **2.2.1. Ứng xử với cộng đồng**

Trước hết phẩm chất cần cù, thông minh, sáng tạo trong ứng xử với các quan hệ cộng đồng: Phẩm chất này bắt nguồn từ cơ tầng đầu tiên của xã hội - chế độ mẫu hệ và sự cố kết cộng đồng trong lịch sử dân tộc. Chế độ mẫu hệ đã xác định vị thế to lớn của người mẹ, người phụ nữ trong đời sống cộng đồng của người Việt Nam, đến nay vẫn tồn tại ở một số dân tộc thiểu số (Êđê, Chăm, Choro...). Người mẹ trong quan niệm của người Việt Nam qua hình ảnh mẹ Âu Cơ (người Việt), Mẹ Xứ sở (người Chăm)... là người sinh thành, nuôi dưỡng, chở che cho cả cộng đồng. Đối với người Việt, cái gì to lớn đều gắn với người mẹ, người phụ nữ: “sông cái”, “đường cái”, “cột cái”, “ngón tay cái”... đến một ông vua (bua = bố) to lớn cũng là “cái” (Bố Cái Đại vương). Mẹ Âu Cơ đã cần cù, thông minh, sáng tạo trong lao động, sản xuất để có những hiểu biết, kinh nghiệm về trồng lúa, trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải... Dạy cho con cái biết lao động, sản xuất tạo nên cuộc sống no đủ, hạnh phúc là một hành vi ứng xử cộng đồng cao đẹp nhất.

Trong tình thương yêu của người mẹ, những người con từ một bọc mà ra đã biết ứng xử với nhau lúc hoạn nạn, cũng như lúc an vui: “Thương người như thể thương thân”, “lá lành đùm lá rách”, “chị ngã em nâng”: “*Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*”; hay “*Khôn ngoan đối đáp người ngoài, gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau*” (Ca dao).

Những câu ca dao ấy nói đến truyền thống thương yêu, đùm bọc của con người Việt Nam trong đời sống cộng đồng thường gắn liền với hình ảnh, với tâm hồn người phụ nữ Việt Nam. Ngày nay, chúng ta thường xưng hô trước đám đông “thưa bà con” (chứ không “thưa ông con”). Điều đó đủ nói lên tinh thần cộng đồng của người Việt Nam có sức mạnh sâu xa, bền chặt từ sự ứng xử của người mẹ, người phụ nữ với cộng đồng đã trở thành truyền thống độc đáo của dân tộc.

### **2.2.2. Ứng xử với bộ máy thống trị và luật lệ, phong tục phong kiến**

Trong xã hội phong kiến, bộ máy nhà nước thống trị áp bức nhân dân rất nặng nề, đặc biệt là đối với phụ nữ. Do vậy, người phụ nữ Việt Nam luôn luôn có sự phản kháng lại chế độ đó rất mạnh mẽ và quyết liệt với một tinh thần thông minh, sáng tạo.

Người phụ nữ Việt Nam đã lên án xã hội đó bằng sự phê phán bộ máy quan lại phong kiến bởi hành động cướp bóc của chúng: “*Con ơi nhớ lấy câu này, cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan*” (Ca dao). Lên án thói đạo đức giả bằng sự chế giễu hành vi xấu xa của các loại quan lại hợm hĩnh, háms gái qua câu truyện *Nghêu, Sò, ốc, Hến*, qua hình tượng Mẹ Đốp trong truyện *Quan Âm Thị Kính*.

Người phụ nữ Việt Nam còn thông minh, sáng tạo trong việc lên án và bác bỏ các luật lệ, phong tục hà khắc của xã hội phong kiến:

- Luật lệ tàn bạo đối với người phụ nữ không chồng mà chửa, coi đó là “chửa hoang” bị cạo đầu, bôi vôi, thả bè trôi sông... Để bảo vệ quyền sống của mình, người phụ nữ đã mạnh mẽ tuyên chiến thông qua quan điểm: “*Không chồng mà chửa mới ngoan, có chồng mà chửa thế gian lạ gì*” (Ca dao).

- Chông lại chế độ đa thê “*Trai thì năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên chỉ có một chồng*”, người phụ nữ đã đề cao giá trị tinh thần của hôn nhân một vợ một chồng: “*Đói lòng ăn nửa trái sung, chồng một thì lấy, chồng chung thì đừng*” (Ca dao).

- Phê phán quan điểm coi thường phụ nữ bằng một sự giễu cợt:

*“Ba đồng một mớ đàn ông,  
Đem thả vào lồng cho kiến nó tha.  
Ba trăm một mụ đàn bà,  
Rước về mà trải chiếu hoa cho ngồi.”*  
(Ca dao)

- Chỉ trích tập quán coi thường con gái, đề cao con trai “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” bằng hình thức so sánh khôi hài “Một trăm con trai không bằng cái dái tai con gái”. Song cái mà người phụ nữ quan tâm không phải là giới tính trai hay gái mà là đạo đức, nhân cách của con cái của mình: “*Trai mà chi, gái mà chi, sinh ra có nghĩa, có nghì thì hơn*” (Ca dao).

- Chông lại tập tục bảo thủ hà khắc trong việc định đoạt hôn nhân của người làm cha, làm mẹ “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” bằng một thái độ kiên quyết: “*Lòng em đã quyết thì hành, đã cày thì gặt cùng anh một mùa*” (Ca dao).

Ứng xử với chế độ phong kiến quyết liệt hơn là sự phủ định chế độ đó bằng việc tham gia các cuộc đấu tranh lật đổ chế độ và nhà nước phong kiến. Tiêu biểu cho hàng vạn phụ nữ Việt Nam trong cuộc đấu tranh xã hội là bà Đô đốc Bùi Thị Xuân trong phong trào khởi nghĩa Tây Sơn; bà vợ ba Cai Vàng trong cuộc khởi nghĩa Cai Vàng ở thế kỷ XIX:

*“Còn ta còn lắm gian nan  
Nhiều phen tổn hại quân quan phen này”.*

Như vậy, phẩm chất cần cù, thông minh, sáng tạo của phụ nữ Việt Nam trong cuộc sống thể hiện rất phong phú và đa dạng qua việc ứng xử với các mối quan hệ: với tự nhiên, với cộng đồng, với chế độ phong kiến được biểu lộ như là sự chịu đựng vượt qua thử thách, như là sự yêu thương, chia sẻ, như là tinh thần đấu tranh không khoan nhượng. Những phẩm chất ấy là một nét đẹp truyền thống của phụ nữ Việt Nam trong quá trình lịch sử dân tộc.

### III. TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC, CHỐNG NGOẠI XÂM

Yêu nước là một tình cảm tự nhiên, tất yếu của mỗi con người, ở mọi quốc gia dân tộc, nhưng do những điều kiện lịch sử đặc thù mà ở Việt Nam, phẩm chất yêu nước đã được hình thành rất sớm và phát triển hết sức mạnh mẽ, rồi trở thành truyền thống cơ bản nhất trong các truyền thống của dân tộc Việt Nam. Nó không chỉ là một tình cảm tự nhiên, mà là sản phẩm của lịch sử, được hun đúc từ chính lịch sử đau thương và hào hùng của một dân tộc anh hùng.

Truyền thống yêu nước đã thấm sâu vào tình cảm của mỗi người dân Việt Nam nói chung và phụ nữ Việt nam nói riêng, làm nên sức mạnh kỳ diệu, giúp cho dân tộc chúng ta vượt qua mọi khó khăn, chiến thắng mọi kẻ thù. Truyền thống yêu nước gắn với tinh thần quật cường chống ngoại xâm là cơ sở của tinh thần anh dũng, hy sinh và ý chí vươn lên chiến thắng kẻ thù.

## 1. ANH HÙNG BÁT KHUÁT, HY SINH ANH DŨNG NƠI TIỀN TUYẾN

Với trái tim nhạy cảm, những người phụ nữ Việt Nam giàu lòng yêu nước, thương dân, càng căm thù giặc, càng thấm thía nỗi đau mất nước. Dù là con người của gia đình nhưng cũng giống như tất cả mọi người dân đất Việt, phụ nữ Việt Nam đã đặt nghĩa nước lên trên tình nhà, bởi hơn ai hết họ hiểu rằng: “*Nước mất nhà tan*”, “*Nước kia hết giặc thì nhà mới yên*”.

Tự hào về lịch sử, về truyền thống vẻ vang của dân tộc, người phụ nữ càng thấy được giá trị thiêng liêng của tự do, độc lập. Từ triết lý dân gian “*Đói tự do hơn no sống quý*” đến lý tưởng chiến đấu cao cả “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”. Nên dù chân yếu, tay mềm, các mẹ, các chị vẫn sát cánh cùng những bậc mày râu nơi chiến trận: “*Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh*”. Câu tục ngữ đó chính là tinh thần quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh, là lời thề son sắt của phụ nữ nước Việt Nam khi Tổ quốc lâm nguy. Trải qua hàng nghìn năm đấu tranh chống lại các thế lực xâm lăng, đấu tranh với thiên tai để bảo vệ Tổ quốc, xây dựng và phát triển đất nước, duy trì nòi giống Tiên Rồng của phụ nữ Việt Nam.

Tượng đài người phụ nữ Việt Nam yêu nước đã được dựng lên rất sớm trong truyền thuyết dân gian. Tiếp đến là biết bao tấm gương liệt nữ kiên trung bất khuất đã để lại danh thơm cho con cháu muôn đời. Đó là Hai Bà Trưng và 36 nữ tướng của vua Bà: Lê Chân, Bát Nàn, Thiều Hoa, Diệu Tiên, Man Thiện, Ngọc Lâm, Hồng Nương, Quê Nương, Tam Trinh... Là Nhụy Kiều tướng quân họ Triệu; là những lệnh Bà dũng cảm, tài trí, vì sự sống còn của dân tộc, đã vượt lên trên những lời thị phi, vào lúc hiểm nguy nhất dám gánh vác trọng trách lớn lao của sơn hà xã tắc như: Thái hậu Dương Vân Nga, Nguyên phi Ý Lan; là Đô Đốc Bùi Thị Xuân - vị nữ tướng tài ba trong cuộc khởi nghĩa Tây Sơn của người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ.

Và có thể nói, hình ảnh nổi bật về người phụ nữ Việt Nam khi đất nước có chiến tranh chính là *hình ảnh người chiến sĩ yêu nước, bất khuất kiên cường chống giặc ngoại xâm*.

Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng đã thức tỉnh tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam, phủ định cái uy quyền “bình thiên hạ” của đế chế Hán đang thời kỳ thịnh đạt, đồng thời nó cũng khẳng định khả năng giành độc lập, mở đường cho các thế hệ sau đi tới thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc, đã chứng minh *khả năng cách mạng to lớn của phụ nữ*: không những chiến đấu dũng cảm mà còn có khả năng động viên, đoàn kết và lãnh đạo quần chúng một cách tài giỏi. Cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu, một lần nữa, khẳng định ý chí tự chủ, tinh thần độc lập của dân tộc *thể hiện rõ khí phách quật cường của phụ nữ nước Nam*: “*Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp sóng dữ, chém cá kình ở biển Đông, quét sạch bờ cõi để cứu dân ra khỏi vòng chìm đắm, chứ đâu có chịu cúi đầu khom lưng làm tì thiếp cho người*”.

Bên cạnh đó là sự đóng góp của những con người bình dị như: hai bà hàng nước thời đánh quân Mông Nguyên đã mách Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn giờ nước thủy triều của sông Bạch Đằng, qua đó góp phần tạo nên chiến thắng vang dội; thời chống quân Minh tái đô hộ, làm nội ứng cho nghĩa quân Lam Sơn của Lê Lợi, Nguyễn Trãi hạ thành Cổ Lộng (Hà Nam). Hành động kiên cường của Đinh phu nhân trong

phong trào Duy Tân: bị giặc bắt, trước khi chết vẫn bình thản để lại bài thơ tuyệt mệnh được viết bằng máu lên vách nhà ngục, làm kẻ thù khiếp sợ:

*Suối vàng gạt lệ gập bà Trưng  
Máu thấm hồn quyên khóc thảm thương  
Lạy Phật: thân này còn hóa kiếp  
Tay binh nghìn cánh, cánh nghìn gươm.*

Và biết bao phụ nữ đã hiên ngang bất khuất trước mũi súng kẻ thù trong hai cuộc cách mạng kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Đó là chị Nguyễn Thị Minh Khai, người con gái kiên trung quyết ra đi làm cách mạng, không quản đầu rơi máu chảy. Đó là Võ Thị Sáu-người con gái Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, sớm tham gia cách mạng, 16 tuổi bị giặc bắt giam rồi xử bắn tại địa ngục trần gian Côn Đảo.

Đó là đội trưởng nữ du kích Hoàng Ngân gan dạ; là nữ anh hùng Mạc Thị Bưởi; là “Chị Chiên anh dũng lại tài, tay không bắt giặc quan hai Pháp hàng”.

Đó là vị Phó Tổng tư lệnh quân giải phóng miền Nam - nữ tướng Nguyễn Thị Định; là “người mẹ cầm súng” Nguyễn Thị Út; là mẹ Nguyễn Thị Suốt - nhiều năm lái đò trên bến sông Nhật Lệ đưa những đoàn quân ra hòa tuyến. Là Người con gái Việt Nam Trần Thị Lý; là anh hùng Tạ Thị Kiều, Lê Thị Hồng Gấm, Ngô Thị Tuyền, Đặng Thùy Trâm, Dương Thị Xuân Quý;

Kể sao cho hết được những nữ anh hùng vô danh, những người hát bè trầm trong dàn hợp xướng hào hùng của dân tộc như: bà bủ, bà bằm, bà má Hậu Giang, mẹ Tơm và những phụ nữ thuộc đội quân tóc dài trùng điệp ở miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ trường kỳ, gian khổ...

Họ đã dũng cảm, kiên cường chiến đấu hy sinh không tiếc máu xương vì độc lập tự do của dân tộc. Điều đó đã làm sáng tỏ chân lý bất hủ: “*Anh hùng đâu cứ phải mày râu*” và cũng làm ngời sáng lên vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam nơi chiến trận.

Những tấm gương anh hùng, quật cường chống ngoại xâm của các mẹ, các chị mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc, đã đi vào những vần thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn kính ngàn yêu:

*Việt Nam phụ nữ đời đời*

*Nhiều người vì nước vì non hy sinh.*

(Hồ Chí Minh, ***Bài ca phụ nữ***, báo Độc lập Việt Nam, ngày 1/9/1941)

Không phải vô cớ mà từ bao đời nay hình tượng người mẹ Việt Nam kiên cường, dũng cảm, giàu đức hy sinh đã trở thành biểu tượng đẹp đẽ của bà mẹ Tổ quốc vĩ đại.

Mỗi chiến công dù lớn, dù nhỏ của các thế hệ phụ nữ đã góp phần tô thắm thêm trang sử vàng truyền thống của phụ nữ Việt Nam. Nhưng có lẽ, trong lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc, chưa có cuộc chiến tranh nào lực lượng phụ nữ tham gia đông đảo như trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, và cũng chưa bao giờ phụ nữ Việt Nam lại có những đóng góp lớn lao như thế. Ngoài những tên tuổi lừng lẫy nơi chiến trận: nữ tướng Nguyễn Thị Định; anh hùng Nguyễn Thị Lý, Nguyễn Thị Út, Nguyễn Thị Suốt, Ngô Thị Tuyền, Lê Thị Riêng, Lê Thị Hồng Gấm, Tạ Thị Kiều, Võ Thị Thắng..., Bộ trưởng bộ Ngoại giao Nguyễn Thị Bình, người đã thể hiện vẻ đẹp trí tuệ của phụ nữ Việt Nam trong cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao đầy cam go.

Còn phải kể đến những nữ anh hùng không ai biết tuổi, tên ở cả hai miền Nam Bắc, những người đã vượt qua mọi khó khăn gian khổ, không sợ hy sinh, gắng sức cùng nhau chung tay đánh giặc giỏi. Thi đua với phụ nữ miền Nam thành đồng bất khuất, hàng chục ngàn nữ thanh niên miền Bắc đã hăng hái gia nhập các đơn vị dân quân tự vệ trực tiếp cầm súng chiến đấu với tinh thần gan dạ, thông minh, phối hợp cùng các đơn vị bộ đội, dân quân bắn rơi nhiều máy bay Mỹ. Hàng chục ngàn nữ thanh niên tình nguyện tham gia bộ đội chủ lực, thanh niên xung phong, dân công hoả tuyến trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu trên khắp các mặt trận, lập nên những chiến công vẻ vang. Chị em nữ thanh niên xung phong, dân công hoả tuyến với tinh thần “Sống bám cầu đường, chết kiên cường dũng cảm” ngày đêm bám trụ dưới bom rơi đạn nổ, sửa đường thông xe. Nhiều chị đã hy sinh oanh liệt giữa tuổi thanh xuân, như 11 cô gái Trường Bồn (Nghệ An), 10 cô gái Ngã ba Đồng Lộc (Hà Tĩnh), 4 nữ thanh niên xung phong trên đường Quyết Thắng (Quảng Bình), hàng chục nữ thanh niên xung phong hy sinh ở Lưu Xá (Thái Nguyên)... Họ mãi mãi xứng đáng với truyền thống yêu nước anh hùng của Bà Trưng, Bà Triệu, xứng đáng với lời khen tặng của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu: "Phụ nữ Việt Nam dũng cảm, đảm đang chống Mỹ cứu nước".

Không chỉ sẵn sàng hy sinh xương máu, ngoài tiền tuyến, những người phụ nữ anh hùng còn dang hiến cho đất nước cả tình yêu, tuổi trẻ và nhan sắc của mình. Vì thế, khi chiến tranh đã lùi xa, không ít những cô gái khi là những chiến sĩ thanh niên xung phong đã một thời “tiếng hát át tiếng bom” yêu đời, song chiến tranh đã tước đi ở họ quyền làm mẹ, làm vợ, quyền được yêu và hạnh phúc ái ân chăn gối... Mà giữa đời thường, với người phụ nữ còn có gì thiêng liêng và quan trọng hơn tình yêu, hạnh phúc và mái ấm gia đình.

Tất cả những điều đó đã góp phần làm nên truyền thống yêu nước vẻ vang, thể hiện tinh thần đấu tranh bất khuất, tinh thần hy sinh cao cả của phụ nữ Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm, giữ gìn và bảo vệ chủ quyền của dân tộc .

## 2. DŨNG CẢM, QUÊN MÌNH HY SINH THẦM LẶNG NƠI HẬU PHƯƠNG

Tuy cũng đồng quy tại một mẫu số chung nhưng so với nam giới lòng yêu nước, tinh thần quật cường chống ngoại xâm của phụ nữ lại được thể hiện qua những nét sắc thái khác biệt.

Không chỉ anh hùng, bất khuất nơi chiến trận, lập nên những chiến công oai hùng ngoài tiền tuyến mà ở hậu phương, phụ nữ cũng thể hiện tinh thần bất khuất, can trường. Có thể nói, nếu trong chiến tranh sức mạnh của người đàn ông là ở nơi chiến trận thì sức mạnh của người phụ nữ lại được thể hiện rõ hơn ở mặt trận im tiếng súng. Từ nơi này, các mẹ, các chị đã lặng lẽ cống hiến cho Tổ quốc *biết bao chiến công thầm lặng mà vĩ đại*. Đây chính là đóng góp quan trọng và độc đáo của riêng phụ nữ cho đất nước, làm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam càng trở nên cao quý, thiêng liêng. Những hy sinh vô giá ấy thật khó định lượng và không dễ dàng diễn tả bằng giấy mực.

Hướng tiếp cận này cho phép chúng ta có thể hiểu rõ hơn, sâu sắc hơn truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất của phụ nữ Việt Nam trong chống giặc ngoại xâm.

Vẫn biết, giữa mũi tên hòn đạn thì lành ít, dữ nhiều nhưng vượt lên để chiến thắng chính mình, những người phụ nữ Việt Nam đã cố gắng nén tình cảm, hết lòng động viên, khích lệ chồng, con lên đường ra trận.

Kể sao xiết những hy sinh lớn lao của bao người mẹ, người vợ Việt Nam - những người đã lặng lẽ nuốt nước mắt hiến dâng cho cho đất nước những người thân yêu nhất của mình, trên đời này có nỗi đau nào sánh được nỗi đau của người mẹ mất con, người vợ mất chồng.

Nhiều người mẹ tiễn chồng, tiễn con, rồi lại tiễn cháu tiếp bước cha anh lên đường đánh giặc, “ba lần tiễn con đi, hai lần khóc thầm lặng lẽ. Các anh không về...” (Ca từ bài hát *Đất nước* - Phạm Minh Tuấn). Tiêu biểu là mẹ Nguyễn Thị Thứ ở Điện Bàn - Quảng Nam, người có 9 người con ruột, một người con rể và 2 cháu đã hy sinh cho đất nước; “Mười một liệt sĩ trong một gia đình ruột thịt. Đó đã phải là một kỷ lục về số liệt sĩ trong cả nước chưa? Chắc đó là một kỷ lục rồi nhưng xin đừng hỏi, đừng nêu ra. Con người bao giờ cũng có xu hướng vươn tới những kỷ lục nào đó của mình, nhưng không ai lại đi cầu mong đạt tới một kỷ lục đau thương cả”<sup>18</sup>. Đó là mẹ Đồng Thị Minh ở xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi: “Trong nhà có hai cái truy tặng, có hai mẹ con đều là anh hùng nhưng cả hai đều không còn khả năng nhận biết. Năm tháng qua đi, mọi cái rồi cũng sẽ qua đi, cả niềm vui lẫn nỗi buồn. Cuộc chiến tranh năm ấy có thể chỉ là trò đùa của quỷ nhưng trong căn nhà hoang vắng này, nỗi đau là có thật, rất thật”<sup>19</sup>.

Không chỉ hy sinh cho gia đình, người phụ nữ Việt Nam còn hy sinh rất nhiều cho xã hội. Họ sẵn sàng gánh vác công việc chung, dẹp bớt những vun vén gia đình, hy sinh quyền lợi cá nhân vì đất nước, giang san.

Ngay từ những trang sử đầu tiên chống Bắc thuộc, Hai Bà Trưng đã nêu cao tấm gương của những liệt nữ sẵn sàng hy sinh thân mình đền nợ nước, trả thù nhà. Dưới thời phong kiến, Thái hậu Dương Vân Nga dám hy sinh quyền lợi của dòng họ nhà chồng vì an nguy của xã tắc. Công chúa Trần Huyền Trân gạt nước mắt trở thành bà hoàng Chiêm quốc để củng cố tình hòa hiếu giữa hai nước Việt - Chăm vì sự tồn tại của đất nước. Công chúa An Tư nhà Trần hy sinh thân mình làm vợ Thoát Hoan mong vẫn hồi âm mưu xâm lược của giặc Mông-Nguyên.

Ở hậu phương, người phụ nữ gián tiếp tham gia cuộc đấu tranh giành và giữ độc lập dân tộc khi họ phải gánh vác việc gia đình thay chồng ra đi chiến đấu. Chẳng hạn như những người vợ của nghĩa quân Tây Sơn đã được người chồng ủy thác những công việc gia đình lớn lao:

*“Anh đi theo chúa Tây Sơn  
Em về cày cấy mà thương mẹ già”  
(Ca dao)*

Không những thế, phụ nữ ở hậu phương còn trực tiếp tham gia trong công việc hậu cần cho mặt trận:

*“Con ơi con ngủ cho ngoan*

---

<sup>18</sup> Chu Lai, *Tùy bút về mẹ*, tạp chí Văn nghệ Quân đội, số 10 năm 1994

<sup>19</sup> Chu Lai, *Tùy bút về mẹ*, đã dẫn

*Để mẹ gánh nước rửa bành cho voi  
Muốn coi lên núi mà coi  
Coi bà Triệu tướng cười voi đánh công*

Nhìn cuộc sống từ một góc khuất, ta sẽ thấy rõ hơn nét độc đáo, những đóng góp lớn lao cho Tổ quốc của những người phụ nữ Việt Nam. Qua góc nhìn này, tinh thần quật cường chống ngoại xâm của phụ nữ Việt Nam càng thêm ngời sáng. Những người phụ nữ Việt Nam mãi mãi xứng đáng với tám chữ vàng: “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã trao tặng.

Sau Cách mạng tháng Tám thành công, trong những ngày đầu khó khăn của dân tộc, trong “Tuần lễ vàng” các bà, các chị đã đóng góp cả tư trang ngày cưới, đồ trang sức cho Chính phủ mua sắm vũ khí, giải quyết nạn đói cho quốc dân. Các cụ, các mẹ còn góp cả mâm thau, nồi đồng, đỉnh đồng, lu đồng, các vật dụng bằng đồng để quân đội đúc súng đạn, chống lại thực dân Pháp.

Trong kháng chiến chống Pháp, phụ nữ Việt Nam đều cố gắng sản xuất, dành dụm, “thắt lưng buộc bụng”, tất cả cho tiền tuyến lớn. Chị em đã tích cực quyên góp, ủng hộ các cuộc vận động “ngày đồng tâm”, “hũ gạo cứu quốc”, các phong trào “bảo trợ thiếu nhi”, “cứu trợ đồng bào bão lụt”, “phong trào cứu đói”, “phong trào truyền bá vệ sinh”, mua “công phiếu kháng chiến”... Hàng vạn nữ dân công đã gác việc nhà sang một bên, đóng góp hàng triệu ngày công phục vụ các chiến dịch. Phụ nữ đô thị hưởng ứng triệt để lệnh tản cư, rời bỏ nhà cửa và tiện nghi sinh hoạt lên rừng kháng chiến.

Khi chiến tranh chống Mỹ nổ ra, hàng vạn người mẹ, người vợ miền Bắc đã không ngần ngại hy sinh hạnh phúc cá nhân, động viên chồng con, anh em lên đường vào Nam chiến đấu. Chị em vùng tự do, vùng địch tạm chiếm đã không tiếc sức người sức của đóng góp cho cách mạng, tiếp tế cho kháng chiến, ủng hộ “quỹ độc lập”, “quỹ đảm phụ quốc phòng”, “quỹ ủng hộ đồng bào Nam Bộ”, “tuần lễ Nam Bộ”, “ngày Nam Bộ”, v.v... Trong vùng địch hậu chị em cũng không ngại nguy hiểm, không quản hy sinh, hết lòng giúp đỡ, che giấu cán bộ. Họ dành dụm từng đồng tiền, bát gạo, từng tác vải, viên thuốc để tiếp tế, ủng hộ cho cách mạng.

Trong thời kỳ xây dựng đất nước, phụ nữ Việt Nam cũng luôn đi đầu trong các hoạt động quyên góp, cứu trợ, ủng hộ đồng bào vùng bị thiên tai, bão lụt, mất mùa, thể hiện tinh thần hy sinh, đồng cam cộng khổ, "mình vì mọi người" của phụ nữ Việt Nam.

#### **IV. TRUYỀN THỐNG XÂY DỰNG, GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA DÂN TỘC**

Truyền thống xây dựng, giữ gìn và phát triển văn hoá dân tộc của phụ nữ Việt Nam thể hiện ở những đóng góp liên tục, lâu dài, tích cực của phụ nữ Việt Nam trong công cuộc bảo tồn, kế thừa, phát huy và phát triển văn hoá dân tộc.

Công lao của những người phụ nữ cho văn hóa dân tộc đã được lưu dấu trong sử thi, thần thoại, trong truyền thuyết, truyện kể, trong ca dao, tục ngữ, trong các biểu hiện muôn hình muôn vẻ của văn hóa dân gian và bác học.

# 1. TRUYỀN THÔNG XÂY DỰNG, GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ, VĂN CHƯƠNG, NGHỆ THUẬT

## 1.1. Giữ gìn, trao truyền tiếng nói, ngôn ngữ của dân tộc

Các bà mẹ Việt Nam là người sinh thành, nuôi dưỡng con cái từ tuổi bé thơ đến lúc trưởng thành. Qua những câu hát, lời ru, qua lời nói hàng ngày, người mẹ dạy con tình yêu quê hương, đất nước, truyền thống nhớ về cội nguồn, giáo dục những điều hay, lẽ phải ở đời. Cũng qua đó, người mẹ truyền thụ cho con tình yêu tiếng mẹ đẻ, thứ tiếng Việt sâu sắc, tinh tế, biểu cảm, được lắng đọng trong từng câu thơ, từng con chữ, từng thanh điệu. Trong cuộc sống hàng ngày, qua những câu ca dao, tục ngữ, qua lời nói ví von, những câu đố giảng, những áng văn thơ, những câu truyện cổ tích..., các bà các mẹ dạy cho con cháu những điều tốt đẹp của văn hóa Việt Nam, trao truyền những bài học kinh nghiệm đúc kết qua hàng ngàn năm lịch sử.

Trong những năm đất nước sống dưới ách thống trị của phong kiến phương Bắc, mặc dù văn tự nước ta phải nhờ đến Hán tự, nhưng tiếng Việt, ngôn ngữ Việt vẫn tồn tại sống động trong khẩu ngữ dân gian của các bà, các mẹ, các chị. Do vậy mà bản sắc văn hóa dân tộc vẫn được duy trì lâu bền trong ngôn ngữ, bất chấp chính sách đồng hóa của ngoại bang.

Dưới thời Pháp thuộc, phụ nữ cũng là lực lượng tích cực tham gia phong trào “truyền bá chữ quốc ngữ”. Nhiều chị em đã vượt qua sự ngăn cản của gia đình, vừa tích cực vận động đồng bào đi học, vừa tham gia tổ chức các lớp học, trực tiếp dạy chữ cho người dân. Trong thời kỳ kháng chiến gian khổ, phụ nữ là lực lượng đông nhất hưởng ứng phong trào “diệt giặc đói”. Phụ nữ mọi tầng lớp, vùng miền, kể cả phụ nữ miền núi, đều tích cực tham gia các lớp bình dân học vụ...

Hòa bình lập lại, người phụ nữ có điều kiện phát huy mọi năng lực và sở trường của mình. Các cô giáo, các nữ văn sĩ, nghệ sĩ, các nhà khoa học nữ đã có những đóng góp thiết thực và hiệu quả vào sự nghiệp dạy chữ, “trồng người”, truyền bá ngôn ngữ và vẻ đẹp của tiếng nói dân tộc.

## 1.2. Giữ gìn và phát triển văn chương, nghệ thuật của dân tộc

Phụ nữ là những người rất có năng khiếu văn chương nghệ thuật, bởi họ được trời phú cho nhiều khả năng linh hội, sáng tác và trình diễn văn nghệ tài tình.

Ngay từ thời kỳ trước Công nguyên, vai trò sáng tạo và trình diễn nghệ thuật của người phụ nữ Việt Nam đã được ghi nhận trên mặt trống đồng Đông Sơn, qua những di vật khảo cổ, trong các huyền thoại, truyền thuyết... Đến các triều đại phong kiến sau này, đóng góp của người phụ nữ cho văn hóa dân tộc càng được phản ánh rõ nét hơn qua sử sách, qua văn hóa dân gian, qua văn học thành văn và qua những sáng tạo văn nghệ vô cùng phong phú và đặc sắc.

### 1.2.1. Sáng tạo, trao truyền và phát huy văn nghệ dân gian

Nền văn hóa của mỗi dân tộc bao giờ cũng phát triển từ sự hợp lưu của hai dòng văn hóa dân gian và bác học. Ở cả hai mảng này, người phụ nữ Việt Nam đều có những đóng góp xuất sắc.

Thời phong kiến, trong những điều kiện khắt khe của ý thức hệ Nho giáo, người phụ nữ Việt Nam bị ngăn trở chuyện học hành, khoa cử, tham gia công việc xã hội. Vì vậy, tất cả mọi trí tuệ, tình cảm, năng khiếu của họ đổ dồn vào văn hóa dân gian. Qua ca dao, truyện thơ, truyện tiểu lâm, người phụ nữ đã cùng với các tác giả dân gian nắm lấy vũ khí văn nghệ, đấu tranh chống lại chế độ phụ quyền, chống lễ giáo, đạo đức phong kiến, đấu tranh cho tình yêu và tự do hôn nhân. Chắc chắn tác giả của những câu ca dao sau là những người phụ nữ khát khao quyền sống và quyền được hạnh phúc: “*Ước gì sông rộng một gang, Bắc cầu dải yếm cho chàng sang chơi*” (Ca dao).

Các thế hệ phụ nữ xưa đã có những đóng góp to lớn vào kho tàng văn chương bình dân độc đáo của dân tộc, thể hiện ở số lượng vô cùng phong phú những sáng tác đủ loại về người phụ nữ và bảo vệ quyền của phụ nữ.

Không chỉ trong lĩnh vực văn chương, người phụ nữ còn đóng góp rất nhiều vào các bộ môn nghệ thuật khác. Bà Phạm Thị Trân (926-976) là một trong những đại biểu nữ Việt Nam xuất sắc trong việc giữ gìn và phát huy di sản văn hóa dân tộc. Bà là người phụ trách văn nghệ trong quân đội nhà Đinh, quê ở Hồng Châu, Hải Hưng. Bà đã có nhiều công lao trong việc dạy dỗ quân lính tập hát, múa, gảy đàn, đánh trống... Về sau, bà tổng hợp các bộ môn đó lại, đưa lên sân khấu thành những tích truyện đơn giản rút ra từ đời sống hàng ngày. Từ đấy mà nghệ thuật chèo nảy sinh, vì thế bà được suy tôn là bà tổ nghề chèo<sup>1</sup>.

Thời Lý có cô Đào Thị Huệ ở làng Đào Xá (xã Đào Đặng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên) hát hay, múa khéo đến mức từ đó cô gái nào hát hay, múa khéo đều được gọi là *Đào Nương*. Cũng như bà Phạm Thị Trân, Đào Nương cũng được thờ làm tổ nghề chèo.

Sân khấu chèo, tuồng dân gian của dân tộc được duy trì và nuôi dưỡng bởi biết bao thế hệ phụ nữ Việt Nam. Họ vừa là khán giả nhiệt tình cổ vũ, tán thưởng những chiếu chèo sân đình, vừa là người trực tiếp tham gia trình diễn những vai chèo kinh điển: Thị Kính, Vân đại, Thị Mầu, mẹ Đốp... Đào Tam Xuân, Phương Cơ, Thị Hén. Trải qua hàng ngàn năm tồn tại và phát triển, nhờ công sức và đóng góp của biết bao thế hệ phụ nữ, nghệ thuật chèo, tuồng đã được gìn giữ và phát huy, trở thành hai loại hình tiêu biểu nhất của nền sân khấu cổ truyền Việt Nam.

Trong việc sáng tác và trình diễn các loại dân ca, dân vũ, phụ nữ Việt Nam cũng có những đóng góp to lớn. Các làn điệu dân ca, các điệu múa cổ truyền, các hình thức diễn xướng dân gian... chiếm một vị trí quan trọng trong sinh hoạt văn hóa của người dân Việt Nam ở các làng quê, mà trong đó không thể thiếu sự tham gia của người phụ nữ.

Trong số các làn điệu dân ca Việt Nam, các điệu hát giao duyên chiếm một dung lượng khá lớn. Vai trò đối đáp, ứng tác, sáng tạo của bên nữ là một khâu quan trọng, không thể thiếu trong các sinh hoạt *quan họ* (Bắc Ninh), *hát trống quân*, *hát xoan* (Phú Thọ), *hát đúm* (Hải Phòng, Quảng Ninh), *hát giặm* (nghệ Tĩnh), *hò* (Thanh Hóa), hát Bài chòi (Trung bộ), hát lý (Nam bộ)... Nghệ thuật múa cổ truyền cũng được các thế hệ phụ nữ Việt Nam chung sức dựng xây, tiêu biểu là các điệu *múa bông* (Nam Hà), *múa*

---

<sup>1</sup> Trần Quốc Vượng. *Truyền thống phụ nữ Việt Nam*. Nxb Phụ nữ, H., 1972, tr. 25.

đền (Thanh Hóa), múa xoan (Phú Thọ), xòe (Thái), múa sạp, múa ô, múa nón, múa quạt... của phụ nữ nhiều dân tộc.

Với vai trò vừa là những nghệ sĩ sáng tác, vừa là những diễn viên trực tiếp trình diễn, phụ nữ Việt Nam đã góp phần quan trọng tạo nên một nền văn nghệ cổ truyền đặc sắc và hấp dẫn của dân tộc.

### **1.2.2. Tham gia đóng góp vào văn hóa tinh hoa, bác học**

Trong nghệ thuật múa và âm nhạc cung đình Việt Nam từ xa xưa đã có sự tham gia của các nữ nghệ sĩ. Trên các bức chạm khắc và công trình kiến trúc từ thời Lý đã có những cảnh mô tả đàn múa, đàn nhạc thời ấy với hình ảnh các nữ diễn viên và nhạc công. Thời Lý Nhân Tông (1072-1127) có những đội ca múa nữ chuyên nghiệp đàn giỏi, hát hay, múa khéo, “đẹp như tiên, nét mặt nhuần nhị thanh tân, tay nhỏ nhắn, mềm mại múa điệu hồi phong, nhíu mày biếc ca khúc vận hội”<sup>1</sup>. Nhiều di tích thời Lý, Trần ở Chương Sơn (Nam Hà), Hang Chùa (Yên Bái), Thái Lạc (Hải Hưng) còn lưu lại những bức chạm đá, chạm gỗ hoặc đất nung mô tả cảnh những cung nữ nhip nhàng, duyên dáng trong các điệu múa dâng hoa.

Đến các thế kỷ sau thì không chỉ trong cung đình mà cả ở các nhà quan cũng có giàn nữ nhạc. Khi đó đã có nhiều nhạc khí dành riêng cho phụ nữ như tì bà, đàn nguyệt, đàn thập lục, tam thập lục... Có nhiều ca kỳ, ca nương nổi tiếng đàn hay hát giỏi như nàng Cầm trong cung vua Lê, được đại thi hào Nguyễn Du miêu tả lại trong *Long thành cầm giả ca*... Đến thời Nguyễn, nhã nhạc cung đình Huế đã có nhiều tiết mục do các nữ nghệ sĩ trình diễn như múa hoa đăng, trình tấu các bản nhã nhạc...

Trong văn học thành văn, phụ nữ Việt Nam cũng đóng góp những đại biểu xuất sắc. Dưới các triều đại phong kiến, hầu hết phụ nữ không được học hành, nhưng trong số ít những người may mắn được theo đòi chữ nghĩa đã có những tên tuổi xuất chúng với tài thơ văn đặc biệt.

Sử sách ghi lại, dưới thời Trần đã có nhiều phụ nữ học giỏi, văn hay chữ tốt. Có nhiều nữ *quan* giỏi chữ Hán, thông chữ Nôm, phụ trách dạy học cho hậu phi và cung nữ, tiêu biểu là nàng Điềm Bích đời Trần Anh Tông với hai bài thơ nổi tiếng và duy nhất bằng tiếng mẹ đẻ còn sót lại<sup>1</sup>.

Đến thời Lê thế kỷ XV có bà Nguyễn Thị Lộ, là người có tài năng văn học tuyệt vời, được vời vào cung làm *Lễ nghi học sĩ*. Đời Lê Thánh Tông (1460-1479) có Quỳnh hương Nguyễn Hạ Huệ, người làng Lưu Khê, giữ chức *Kim hoa học sĩ*, có nữ học sĩ Ngô Chi Lan, người huyện Kim Hoa (nay là Kim Anh, Vĩnh Phúc) giỏi văn chương, nổi tiếng với chùm thơ “Tứ thời” (lịch bốn mùa), được vua Lê Thánh Tông vời vào triều dạy cung nữ.

Ngoài ra còn có những người học rộng, tài cao như bà Nguyễn Thị Du (Duệ), người làng Kiệt Đặc, cải trang nam nhi đi thi Hội, đỗ thủ khoa triều Mạc trong khi thầy dạy chỉ đỗ thứ nhì, sau đó bà được làm đến chức *Lễ sư* trong triều đình Hậu Lê<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> Trần Quốc Vượng: *Truyền thống phụ nữ Việt Nam*. Nxb Phụ nữ, H., 1972, tr. 26.

<sup>1</sup> Nhâm Tuyết. *Phụ nữ Việt Nam qua các thời đại*. Nxb KHXH, H., tr. 102.

<sup>1</sup> *Lịch sử phong trào phụ nữ Việt Nam*, Tập I, Nxb Phụ nữ, H., 1980, tr.20.

Giữa thời Lê Trịnh phân tranh có bà Trịnh Thị Ngọc Trúc đã từ bỏ mọi vinh hoa phú quý, miệt mài hoàn thành bộ từ điển Hán Việt vào loại cổ nhất nước ta là *Chí nam Ngọc âm giải nghĩa*<sup>2</sup>.

Đặc biệt trong nền văn chương Việt Nam các thế kỷ XVIII, XIX đã nở rộ một chùm hoa đẹp đẽ của “văn học phụ nữ” với bốn cây bút: Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, Bà Huyện Thanh Quan và công chúa Ngọc Hân. Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm có tài thơ văn nổi tiếng, cả chữ Hán lẫn chữ Nôm, bà đã mở trường dạy học cho đông đảo nho sinh. Bà chúa thơ Nôm Hồ Xuân Hương dùng tài thơ chiến đấu chống lại lễ giáo và đạo đức phong kiến, đấu tranh cho quyền sống, quyền hạnh phúc của phụ nữ. Bà Huyện Thanh Quan Nguyễn Thị Hinh giữ tới chức *Cung trung học sĩ* thời Minh Mạng có những bài thơ trác tuyệt về đất nước, con người. Công chúa Ngọc Hân là một thi sĩ tài hoa, tác giả của *Ai tư văn*.

Với khả năng cảm thụ tinh tế, năng khiếu thẩm mỹ đặc biệt, niềm say mê tha thiết với cái đẹp, năng lực sáng tạo tiềm tàng, người phụ nữ Việt Nam đã góp phần công hiến to lớn cho việc tạo dựng và củng cố một nền văn hóa Việt Nam giàu bản sắc.

### 1.3. Giữ gìn và tôn vinh trang phục dân tộc

Trong nền văn hoá vật chất của các xã hội cổ truyền, quần áo và trang sức của phụ nữ bao giờ cũng là nhân tố thể hiện rõ nét đặc điểm và tính chất dân tộc. Những tượng phụ nữ trên cán dao găm có niên đại từ những thế kỷ trước Công nguyên khai quật được ở Yên Bái, Hà Tây, Hải Phòng, Thanh Hóa... có thể thấy trang phục của phụ nữ Việt Nam truyền thống bao gồm: váy, áo, khăn, yếm. Trong hàng chục thế kỷ qua, các kiểu áo xống của phụ nữ đã thay đổi, biến cải nhiều, nhưng cái cốt cách, cái tạo nên bản sắc dân tộc vẫn được giữ nguyên. Những bộ trang phục ngày hội của các cô gái Bắc Ninh với yếm thắm, khăn mỏ quạ, thắt lưng hoa lý, áo cánh mỡ gà, áo tứ thân nâu, váy chùng đen, hay những bộ áo xống của những phụ nữ lao động như áo nâu sồng, váy nhân bùn... vẫn giữ được cái hồn cốt Việt Nam.

Người phụ nữ Việt Nam không chỉ tự dệt ra gấm vóc, vải lụa, tạo nên những màu sắc ưng ý, mà họ còn tự cắt may quần áo cho mình, trang trí sao cho đẹp mắt, trang nhã và quyến rũ. Trang phục của người phụ nữ Việt Nam thể hiện đặc trưng tâm hồn, khả năng thẩm mỹ, sức hấp dẫn của họ. Những tà áo, nếp khăn, màu áo yếm, chiếc thắt lưng của người con gái, người vợ, người mẹ nhiều khi đã trở thành biểu tượng của quê hương đất nước đối với những người con xa quê.

Trong đời sống hiện đại, phụ nữ Việt Nam đã có những trang phục phù hợp hơn với nhịp sống mới, nhưng không vì thế mà trang phục truyền thống bị coi nhẹ. Vào những dịp hội hè, đình đám, trong những đêm văn nghệ, trong những nghi lễ trọng đại của đời người, trang phục dân tộc vẫn luôn luôn được tôn vinh. Người phụ nữ trong những bộ trang phục truyền thống thật đẹp, thật thuần Việt, đang tiếp tục duy trì, giới thiệu và quảng bá văn hóa Việt Nam.

Nói đến trang phục truyền thống tiêu biểu của phụ nữ Việt Nam hiện nay phải kể đến tà áo dài dân tộc. Với trang phục này, người phụ nữ vừa toát lên vẻ đẹp kín đáo,

---

<sup>2</sup> Nhâm Tuyết. Sdd., tr. 102.

duyên dáng vừa không kém phần quyến rũ, gợi cảm. áo dài Việt Nam có thể tự hào sánh vai với *kimono* của Nhật Bản, *hanbok* của Hàn Quốc, *xường xám* của Trung Quốc... Hiếm có quốc gia nào luôn mang áo dài đi tham dự các cuộc thi sắc đẹp quốc tế như Việt Nam, bởi đối với chúng ta đó không chỉ là trang phục truyền thống đẹp nhất, mà còn thể hiện niềm tự tôn dân tộc, niềm tự hào riêng của người phụ nữ Việt Nam. Kín đáo nhẹ nhàng, nhưng tiềm ẩn vẻ đẹp quyến rũ là đặc trưng của tà áo dài Việt Nam, và cũng là thông điệp của văn hóa Việt Nam trong cảm nhận của bạn bè năm châu.

Qua cách ăn mặc thường ngày, người phụ nữ Việt Nam cũng thể hiện sự tinh tế, thanh thoát, tinh thần đề cao thuần phong mỹ tục của mình. Đó thường là những phong cách trang phục nhẹ nhàng, trang nhã mà vẫn cao sang. Bằng cách ăn vận có thẩm mỹ, có văn hóa, những người phụ nữ Việt Nam đang góp phần làm đẹp cho xã hội, đồng thời nêu tấm gương cho các thế hệ trẻ noi theo.

## 2. GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY CÁC TRI THỨC CỔ TRUYỀN CỦA DÂN TỘC VÀ VĂN HÓA GIA ĐÌNH

### 2.1. Giữ gìn và phát huy văn hóa ẩm thực dân tộc

Phụ nữ cũng là nhân vật chính tạo ra nền văn hóa ẩm thực của dân tộc. Từ việc nấu nướng những món ăn thông thường phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày đến việc chế biến những món cao lương mỹ vị cho những mâm cỗ ngày lễ, Tết, người phụ nữ Việt Nam đã nâng việc ăn uống lên thành nghệ thuật.

Lúa gạo là loại lương thực chính của người Việt, qua bàn tay, khối óc của người phụ nữ đã có một số lượng phong phú các món ăn. Thi nấu cơm còn trở thành một nét đẹp văn hóa trong các cuộc thi ở hội làng. Cũng tương tự như vậy đối với các loại thực phẩm khác. Việc chế biến các món ăn dân tộc được nâng lên thành kỹ nghệ, thành thú chơi, thành phong tục. Khả năng bày biện đẹp mắt, thao tác nhanh gọn, mùi vị ngon bổ, không khí vui vẻ quanh những bữa cơm gia đình, cơm khách, cơm tiệc đã thể hiện đức tính đảm đang, khéo léo của người phụ nữ Việt Nam. Phong cách ứng xử trong văn hoá ẩm thực Việt Nam, thông qua vai trò của người phụ nữ, đã trở thành phong tục, tập quán, thành những quy chế bất thành văn truyền từ thế hệ trước đến thế hệ sau.

Đối với người phụ nữ, việc tổ chức bữa ăn không chỉ đơn thuần là bồi dưỡng sức khỏe cho mọi người, mà còn chứa đựng những giá trị tinh thần, tâm lý sâu sắc. Trong bữa cơm thân thiện ấy người phụ nữ đồng thời thực hiện chức năng giáo dục, chức năng điều tiết các mối quan hệ, vun đắp những tình cảm ấm áp, gắn bó giữa các thành viên.

Ẩm thực Việt Nam hài hoà về màu sắc, đậm đà về hương vị, phong phú về chủng loại, đầy đủ về dinh dưỡng, đó chính là nhờ sự tài hoa, khéo léo của người phụ nữ Việt Nam.

Hiện nay, phụ nữ Việt Nam vẫn không ngừng tìm tòi, sáng tạo, làm ra những món ăn mới, ngon và rẻ, phù hợp với thể trạng con người và khí hậu Việt Nam. Ẩm thực Việt Nam đang góp phần hấp dẫn du khách nước ngoài, tạo nên một sức quyến rũ riêng góp phần kích thích phát triển du lịch cho đất nước.

### 2.2. Bảo tồn và phát huy nghề truyền thống

Phụ nữ Việt Nam còn có vai trò quan trọng trong việc tích lũy kinh nghiệm sản xuất, củng cố và trao truyền các kỹ năng làm nghề truyền thống, duy trì các làng nghề thủ công... Với những phẩm chất chịu thương, chịu khó, cần cù, tỉ mỉ, kiên trì, nhẫn nại, người phụ nữ Việt Nam có một khả năng quán xuyến, đảm đang rất tốt cho việc duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống.

Theo các nguồn sử liệu, phụ nữ chính là người phát minh ra nghề gốm và cũng là lực lượng lao động chính làm ra đồ gốm nguyên thủy. Tất cả các dấu tay phát hiện được trên các đồ gốm tìm thấy ở các di chỉ Hòa Bình, Quỳnh Văn, Bắc Sơn cách đây trên dưới 6 nghìn năm đều là dấu tay của phụ nữ<sup>20</sup>.

Việc thờ phụng các nữ thần như bà Dâu, bà Đậu, thờ nữ thần lửa (bà Hỏa), thờ nữ thần nghề mộc... cho thấy vai trò không hề nhỏ nhoi của người phụ nữ trong việc tạo dựng và phát triển các làng nghề.

Từ thời Lý, Nguyên phi Ý Lan đã có công chăm lo dạy dỗ nhân dân trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt vải. Nhờ có vai trò và ảnh hưởng của Bà mà xung quanh kinh thành Thăng Long đã hình thành các phường tằm tơ, canh củi như: Nghi Tàm (nuôi tằm), Thụy Chương (nay là Thụy Khuê - dệt lụa), Trích Sài, Bái Ân (dệt gấm). Những phụ nữ khéo tay và thông minh thời Lý đã dệt được nhiều loại vải, từ lụa là, gấm vóc đến nhiều đoạn với nhiều màu sắc và họa tiết trang trí đẹp mắt. Đến năm 1040, vua Lý Thái Tông đã quyết định không mua gấm vóc nước ngoài nữa, mà chỉ dùng gấm vóc trong nước để để may lễ phục từ vua cho chí quan<sup>21</sup>.

Jean Koffler, một giáo sĩ Tiệp Khắc đến Đàng Trong trong khoảng thời gian 1740 - 1755 đã ca ngợi người phụ nữ Việt Nam trong *Cương yếu lịch sử Đàng Trong*: "Họ rất khéo trong việc dệt vải bông và lụa. Họ nhuộm những thứ này thành những màu khác nhau. Họ rất khéo trong việc làm bánh trái và mút kẹo. Họ trồng thuốc lá, trồng bông... Họ không để mất một nguồn lợi nào, bất kể là nguồn lợi đó từ đâu tới...". Còn John Barrow, một hội viên Hội Hoàng gia Anh cũng đến Đàng Trong vào thế kỷ XVIII thì nhận xét: "Người phụ nữ ở đây rất hoạt động, họ trông coi việc nhà, chỉ đạo lò gốm, chèo thuyền, mang hàng ra chợ bán, bắt bông, kéo sợi, dệt vải, may vá quần áo... Phụ nữ ở đây không có ai phải bó gối trong nhà"<sup>22</sup>.

Đến nay, người phụ nữ vẫn đóng vai trò quan trọng trong sự duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống ở Việt Nam như: thêu ren Quất Động, dệt lụa Vạn Phúc, gốm Bát Tràng, tranh thêu Đà Lạt, các làng nghề khảm trai, sơn mài, mây tre đan, làm hương, làm giấy, làm bánh... ở nhiều vùng, miền của đất nước.

### **2.3. Giữ gìn và củng cố văn hóa gia đình**

Gia đình là tế bào của xã hội, là nền tảng phát triển cộng đồng và quốc gia. Trong đó, người phụ nữ giữ vai trò chủ đạo trong việc giữ gìn và củng cố văn hóa gia đình.

Từ bao đời nay, người phụ nữ Việt Nam có vị trí quan trọng không thể thay thế trong gia đình. Họ chính là những “nội tướng” của mỗi gia đình. Việc điều hòa các mối

<sup>20</sup> Nhâm Tuyết. *Phụ nữ Việt Nam qua các thời đại*, Nxb KHXH, H., tr. 44.

<sup>21</sup> Ngô Sĩ Liên. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, Nxb KHXH, H., 1967, tr. 235.

<sup>22</sup> Dẫn theo Trần Quốc Vương. *Truyền thống phụ nữ Việt Nam*, Nxb Phụ nữ, H., 1972, tr. 17.

quan hệ gia đình, dòng tộc đòi hỏi ở người phụ nữ những đức tính gương mẫu, nhường nhịn, hy sinh và biết chia sẻ. Gia đình êm ấm và hạnh phúc chính là biểu hiện tài năng của người phụ nữ làm chủ gia đình. Hiếu thảo, kính trọng, chăm sóc cha mẹ là phẩm chất tiêu biểu của phụ nữ Việt Nam. Người phụ nữ Việt Nam thường hết lòng vì gia đình, chồng con, trên kính dưới nhường, gìn giữ gia phong, nếp nhà. Dù với cha mẹ mình hay cha mẹ chồng, người phụ nữ Việt Nam vẫn vẹn toàn đạo dâu con không phân biệt.

Người phụ nữ còn có vai trò quan trọng trong việc giáo dục con cái, hình thành nhân cách cho thế hệ trẻ. Là người mang nặng đẻ đau và gần gũi con nhất, người phụ nữ dạy con từ thuở còn thơ, qua lời ăn tiếng nói, qua phép tắc lễ nghi, qua gia phong nếp nhà, qua cách ứng xử hàng ngày, qua nữ công gia chánh, qua cách tổ chức gia đình... Vai trò của người mẹ trong việc truyền thụ và củng cố các giá trị văn hóa truyền thống là vô cùng to lớn. Do vậy, không phải vô cớ mà xã hội Việt Nam đã đúc kết: "phúc đức tại mẫu", "cha sinh không bằng mẹ dưỡng". Người mẹ chính là một tấm gương sáng để con cái noi theo.

Tóm lại, phụ nữ có vai trò rất to lớn trong việc xây dựng, giữ gìn và phát triển văn hóa dân tộc. Vì vậy, Tổng Bí thư Lê Duẩn đã có nhận xét rất sâu sắc rằng: "*Những gì đẹp đẽ, tinh anh nhất của dân tộc đều nằm trong các bà mẹ*"<sup>23</sup>.

## V. TRUYỀN THỐNG THỦY CHUNG, NHÂN HẬU

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, người phụ nữ Việt Nam luôn là hiện thân của lòng chung thủy sắt son và lòng nhân hậu bao la.

### 1. TRUYỀN THỐNG THỦY CHUNG

#### 1.1. Thủy chung trong tình vợ chồng, tình yêu nam nữ

Người phụ nữ Việt Nam nổi tiếng là người chung thủy, sống trọn tình trọn nghĩa. Hình ảnh hòn vọng phu - đá trông chồng là biểu tượng cảm động nhất về lòng chung thủy của người phụ nữ Việt Nam.

Đức tính thủy chung của phụ nữ từ lâu đã được văn chương, sử sách ca ngợi. Trong kho tàng ca dao, dân ca Việt Nam có vô vàn câu ca viết về tình yêu chung thủy của người phụ nữ:

*Yêu anh cốt rữ xương mòn  
Yêu anh đến thác vẫn còn yêu anh  
(Ca dao)*

Người phụ nữ Việt Nam khi yêu ai là dành trọn vẹn tình cảm cho người đó, một lòng trung thành, gắn bó với người mình yêu:

*Chùng nào muối ngọt chanh thanh  
Em đây mới dám bỏ anh lấy chồng  
(Ca dao)*

Lòng chung thủy của người phụ nữ Việt Nam đã trở thành nguồn cảm hứng cho các tác giả dân gian và nhiều câu chuyện ngợi ca đức tính tốt đẹp ấy đã ra đời. *Chuyện trầu cau* là một trong những câu chuyện cổ tích đầy thương cảm viết về lòng chung thủy,

---

<sup>23</sup> Lê Duẩn, *Phải đứng trên quan điểm giai cấp mà nhận xét vấn đề phụ nữ*, Nxb Phụ nữ, H., 1960, tr. 9

trong cả tình anh em lẫn nghĩa vợ chồng, thậm thiết như cau trầu quán quýt đến chết không thay đổi.

Dưới thời phong kiến, thân phận người phụ nữ hết sức nhỏ bé và thiệt thòi. Dù sống trong vất vả, hy sinh, người phụ nữ vẫn luôn là người thủy chung, giàu tình nghĩa:

*Chồng em áo rách ta thương*  
*Chồng người áo gấm xông hương mặc người*  
(Ca dao)

Keo sơn khăng khít trong tình nghĩa vợ chồng, nên người phụ nữ Việt Nam không dễ thay lòng đổi dạ. Họ dồn tất cả tâm tư, tình cảm, sức lực cho việc vun đắp hạnh phúc gia đình. Dù trong bất cứ hoàn cảnh nào họ cũng một lòng một dạ với chồng, giữ vẹn trinh tiết cho chồng:

*Trai thời trung hiếu làm đầu*  
*Gái thời tiết hạnh làm câu răn mình*  
(Nguyễn Đình Chiểu)

Lịch sử Việt Nam có bề dày mấy nghìn năm thì có đến hơn một nghìn năm là thời gian diễn ra các cuộc chiến tranh giữ nước. Những người đàn ông ra đi biên biệt, bỏ lại sau lưng ruộng đồng, nhà cửa, gánh nặng gia đình đặt lên vai người vợ. Thế nhưng những người phụ nữ ngoài việc can đảm vượt mọi khó khăn, gánh vác việc nhà, họ còn chung thủy chờ chồng cho đến ngày chiến thắng. Sự trung trinh, chờ đợi của những người phụ nữ nơi hậu phương chính là nguồn động lực to lớn giúp người ra trận dũng cảm chiến đấu giành độc lập, tự do.

Thời kỳ hai miền Nam Bắc bị chia cắt, hàng chục vạn phụ nữ miền Nam có chồng con, anh em tập kết ra Bắc. Mặc dù bị chính quyền tay sai tìm mọi cách o ép, khống chế, trấn áp, họ vẫn một lòng một dạ chung thủy chờ đợi người thân.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, có biết bao người phụ nữ VN đã chung thủy chờ chồng nơi quê nhà. Dù có bất tin chồng hàng chục năm trời, dù đã nhận được giấy báo tử, họ vẫn một lòng một dạ ngóng trông. Nhiều phụ nữ không may mắn, chồng đã vĩnh viễn nằm lại nơi chiến trường, họ vẫn quyết tâm thủ tiết với vong linh người đã khuất, thay chồng phụng dưỡng cha mẹ chồng, nuôi dạy con cái lớn khôn. Lòng chung thủy và nghị lực của họ thật đáng để chúng ta khâm phục và ca ngợi.

Ngày nay, mặc dù xã hội đã ngày càng tiến bộ, người phụ nữ đã được giải phóng khỏi những ràng buộc của ba chữ "tam tòng", nhưng lòng chung thủy vẫn là một đức tính cao đẹp đối với người phụ nữ VN. Những người chồng, các chàng trai vẫn rất đề cao lòng chung thủy của người mình yêu và đó chính là nền tảng của hạnh phúc lứa đôi.

## **1.2. Thủy chung với cộng đồng, với đất nước**

Phụ nữ Việt Nam là những người sống rất trung hậu, có tình có nghĩa, có trước có sau. Trong đối nhân xử thế, trong quan hệ giữa người với người, họ luôn là những người rất đề cao tình nghĩa, coi trọng đạo lý làm người. Người phụ nữ chơi với bạn bè thường rất thân thiết, gắn bó, "con chấy cắn đôi", đói no, sướng khổ cũng không phụ nhau.

Với bà con lối xóm họ luôn gần cận, chia ngọt sẻ bùi, láng giềng "tắt lửa tối đèn có nhau". Trong tình đồng chí, đồng đội, họ là những người trọn tình vẹn nghĩa, sống chết

có nhau. Đã có biết bao câu chuyện cảm động về những nữ thanh niên xung phong xả thân cứu bạn trong bom rơi lửa đạn. Biết bao cựu chiến binh hết chiến tranh vẫn lặn lội tìm về chiến trường xưa tìm hài cốt đồng đội...

Với Đảng, với Tổ quốc, phụ nữ Việt Nam cũng là những người trung thành vô hạn. Thời kỳ hoạt động bí mật, nhiều nữ chiến sĩ cách mạng bị giặc tù đầy, giam cầm, tra tấn chết đi sống lại vẫn một lòng trung kiên với cách mạng. Chị Nguyễn Thị Nghĩa, liên lạc viên giữa Trung ương và Xứ ủy Trung kỳ bị bắt khi đang làm nhiệm vụ. Chị đã cắn lưỡi giả câm, giữ bí mật cho Đảng trong khi chịu những trận đòn liên miên của kẻ thù. Sau 3 tháng bị nhục hình, kiệt sức, biết mình sắp chết, chị mới mở miệng nói lời cuối cùng, dặn anh em, đồng chí giữ vững khí tiết cách mạng, trung thành với Tổ quốc<sup>24</sup>.

Trong thời kỳ kháng chiến, tại những vùng bị địch tạm chiếm, bất chấp những đợt khủng bố trắng, những cuộc càn quét, tàn sát, giết chóc của giặc, phụ nữ Việt Nam vẫn giữ vẹn tấm lòng son với cách mạng. Chị Nguyễn Thị Điều, chiến sỹ thi đua số một vùng địch hậu toàn quốc, bất chấp mọi gian khổ hiểm nguy, hoạt động bí mật trong các thành phố, thị xã bị tạm chiếm, Chị thường xuyên phải nằm hầm, lội sông, ngâm nước ở vùng giáp ranh. Khi bị địch bắt, bị tra tấn dã man bằng đủ cực hình, thậm chí bị xẻo thịt, moi ruột và bắn chết, chị vẫn không làm lộ bí mật đường dây, bảo tồn được cán bộ và tài liệu mật<sup>25</sup>.

Ở miền Nam, trong những hoàn cảnh khó khăn nhất, chị em phụ nữ vẫn một lòng hướng về cách mạng. "Kẻ thù không sao có thể lay chuyển nổi lòng trung thành và niềm tin tưởng vững vàng như núi Trường Sơn, dạt dào như sóng Cửu Long của những người phụ nữ miền Nam"<sup>26</sup>. Những tấm gương sáng chói của họ đã làm rạng rỡ truyền thống trung hậu vô song của phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

## 2. TRUYỀN THỐNG NHÂN HẬU

Phẩm chất nhân hậu có cội nguồn sâu xa từ bản chất con người, từ trái tim nhân hậu của người phụ nữ Việt Nam. Nó được biểu hiện trong tình yêu thương rộng lớn đối với mọi người, thái độ quý trọng, yêu mến người khác, lòng vị tha, độ lượng, thương người...

### 2.1. Thương người như thể thương thân

Người phụ nữ Việt Nam vốn ý thức sâu sắc về tinh thần nhân bản "thương người như thể thương thân". Lòng nhân ái của họ bắt nguồn từ ý thức "đồng bào" của những người con cùng sinh ra từ một bọc trăm trứng của mẹ Âu Cơ. Do vậy, họ luôn tự nhủ phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau:

*Nhiều điều phủ lấy giá gương  
Người trong một nước phải thương nhau cùng*  
(Ca dao)

<sup>24</sup> Nhâm Tuyết. *Phụ nữ Việt Nam qua các thời đại*. Nxb KHXH., H., tr. 193.

<sup>25</sup> Nhâm Tuyết. *Sđd*, tr. 228.

<sup>26</sup> Nhâm Tuyết. *Sđd*, tr. 261.

Phẩm chất nhân hậu của người phụ nữ Việt Nam trước nhất bộc lộ ra trong chính gia đình nơi hàng ngày họ vun vén chăm lo cho nó, thể hiện qua những cử chỉ quan tâm, âu yếm, thương yêu mà người phụ nữ dành cho bố mẹ, chồng con. Phẩm chất nhân hậu của người phụ nữ sẽ giúp cho tình cảm gia đình ngày một sâu sắc, tạo không khí yêu thương, gắn bó, là cơ sở cho một gia đình hạnh phúc.

Phẩm chất nhân hậu còn được thể hiện qua việc người phụ nữ luôn có ý thức coi trọng tình làng nghĩa xóm, tình cảm bạn bè, đồng nghiệp, sống hòa mình vào tập thể để chia sẻ niềm vui cùng mọi người. Với bản tính đôn hậu, hiền lành, người phụ nữ thường là người hòa giải hiệu quả cho những xích mích, bất hòa trong các mối quan hệ ở gia đình, họ tộc, làng xóm, cộng đồng.

Phẩm chất nhân hậu ở phụ nữ Việt Nam rất phong phú, đôi khi ta có thể nhận thấy nó qua những cách cư xử tưởng rất nhỏ của phụ nữ Việt đối với người xung quanh, cũng có khi nó được thể hiện thông qua lối sống tình nghĩa, truyền thống “*uống nước nhớ nguồn*”, “*lá lành đùm lá rách*”,... của dân tộc. Tình thương yêu, đùm bọc, tinh thần tập thể và đoàn kết trong chiến đấu và xây dựng đất nước. Trong chiến tranh với lòng nhân hậu, người phụ nữ Việt Nam đã tham gia cứu thương, làm y tá, hộ lý chăm sóc từng vết thương, miếng cơm manh áo cho chiến sỹ. Hậu phương hết lòng vì mặt trận, gom góp từng hạt gạo, củ khoai, tấm áo gửi ra chiến trường.

Trong thời kỳ xây dựng đất nước, phụ nữ Việt Nam cũng luôn đi đầu trong các hoạt động nhân đạo, từ thiện: “Hiến máu nhân đạo”, “Trái tim cho em”, “Nói vòng tay lớn”... Hội LHPN Việt Nam nói chung và các chi hội phụ nữ ở địa phương nói riêng, đã tổ chức nhiều quỹ quyên góp để hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế gia đình khó khăn vực dậy phát triển kinh tế. Hơn nữa, các chi hội phụ nữ còn trao học bổng cho các em học sinh nghèo vượt khó, góp phần vào công tác xây dựng, giáo dục mầm non tương lai của đất nước.

Không chỉ có các đại diện đoàn thể làm từ thiện mà còn rất nhiều cá nhân chị em phụ nữ cũng dành tâm huyết cho việc đem lại hạnh phúc cho những người không được may mắn như mình. Chẳng hạn, chị Nguyễn Thị Gát doanh nhân ở thành phố Hồ Chí Minh nhận nuôi người con của một phụ nữ Quảng Bình đã hy sinh trong cơn lũ năm 2008 vì cứu bà con trong xã. Chị Mai Anh ở Hàng Bạc - Hà Nội đã nhận nuôi cậu bé tội nghiệp bị người thân bỏ rơi và bị súc vật cắn trở nên tàn tật. Không chỉ nhận nuôi bé Thiện Nhân mà chị Mai Anh còn cất công đưa bé ra nước ngoài tìm cách chữa bệnh. Chị Huỳnh Tiểu Hương, người sáng lập Trung tâm nhân đạo Bình Dương đã thu nhận và nuôi dưỡng hàng nghìn trẻ em mồ côi, tật nguyền, không nơi nương tựa trong hơn mười năm qua. Đây là những ví dụ hết sức cảm động về tấm lòng nhân hậu của phụ nữ Việt Nam.

Và còn rất nhiều những cá nhân phụ nữ giàu lòng nhân hậu khác, có thể họ đã được báo chí đưa tin, ca ngợi, cũng có thể họ vẫn đang âm thầm làm các công tác từ thiện của mình. Nhưng điều chung nhất, quan trọng nhất mà chúng ta rút ra ở đây đó chính là niềm tin vào một xã hội tràn đầy tình thương, lòng nhân ái và người phụ nữ Việt Nam chính là người đang gieo những hạt mầm nhân hậu đó. Đó là những đức tính quý báu được hun đúc qua bao thế hệ, thể hiện phẩm giá và tiêu biểu cho nhân cách của con người Việt Nam, gắn liền với bề dày văn hóa của dân tộc.

Phẩm chất nhân hậu của người phụ nữ còn thể hiện ở sự cảm thông, chia sẻ, đồng cảm với những mảnh đời bất hạnh, những số phận chịu cảnh thiệt thòi. Đã có biết bao tấm gương những người phụ nữ cuu mang, che chở những trẻ em lang thang, cơ nhỡ, những người tàn tật không nơi nương tựa. Hàng ngàn phụ nữ đã tham gia ủng hộ cho các quỹ "Trái tim cho em", "Nụ cười cho em", tham gia hiến máu nhân đạo.

## **2.2. Bao dung, vị tha**

Phẩm chất nhân hậu còn biểu hiện ở lòng bao dung, vị tha trong gia đình và ngoài xã hội, không kì thị những người đã phạm lỗi lầm, tạo cơ hội cho họ tái hòa nhập cộng đồng. Trong gia đình, nhiều phụ nữ có lòng vị tha đối với những sai lầm, thậm chí tội lỗi của chồng, con, người thân. Nhiều bà mẹ không quản khó khăn, vất vả chăm lo, nâng đỡ con cái khi chúng mắc phải những tệ nạn xã hội, nhằm cải hóa chúng. Rất nhiều các cơ sở sản xuất mà phụ nữ là chủ đã nhận các nữ phạm nhân mới ra tù hay ra trại cải tạo để họ có cơ hội làm lại cuộc đời mình. Nhiều nữ tình nguyện viên đã thành lập các hội giúp đỡ những người nhiễm HIV. Hàng chục phụ nữ ở trung tâm bảo trợ trẻ em Vũng Tàu tình nguyện hy sinh tuổi thanh xuân, không lập gia đình để chăm sóc những đứa trẻ không may bị truyền bệnh AIDS từ cha mẹ.

Lòng nhân hậu còn được biểu hiện ra bằng sự cuu mang, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau, xuất phát từ tình thương đối với đồng loại:

*Bầu ơi thương lấy bí cùng  
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*  
(Ca dao)

Những người phụ nữ Việt Nam, bằng tấm lòng nhân hậu của mình đã giúp đỡ rất nhiều người tìm lại cuộc sống đích thực. Trong vất vả, thiệt thòi, người phụ nữ vẫn ngời lên ánh sáng của trái tim đôn hậu, cao thượng, vị tha.

Đó là những đức tính quý báu được hun đúc qua bao thế hệ, thể hiện phẩm giá, nhân cách của con người Việt Nam nói chung và phụ nữ nói riêng, cần được bảo tồn, phát huy và phát triển trong giai đoạn đầy mạnh CNH, HĐH đất nước.

